洪吟

（二）

Hồng Ngâm II

李洪志 著

Tác giả: Lý Hồng Chí

Mục Lục

1. Kiên Định..... 1
2. Vô Đề.....2
3. Kiến Chân Tính.....3
4. Tâm Tự Minh.....4
5. Báo Ứng.....5
6. Pháp Võng..... 6
7. Chính Đại Khung.....7
8. Phổ chiếu..... 8
9. Trừ ác.....9
10. Vô..... 10
11. Lưu ý.....11
12. Hành Trung.....12
13. Giải Đại Kiếp.....13
14. Đắc Đạo Minh.....14
15. Vô mê.....15
16. Đạo Trung Hành.....16
17. Khứ Chấp.....17
18. Vô Trở.....18
19. Duyên Kết Liên Khai.....19
20. Tiệm Tề.....20
21. Chân Ngôn.....21
22. Thu Phong Lương.....22
23. Dự..... 23
24. Đại Đạo hành.....24
25. Kiếp..... 25
26. Tảo Trừ..... 26
27. Tất Nhiên.....27
28. Đào..... 28
29. Đại Vũ Đài.....29
30. Hí Nhất Đài.....30
31. Tinh Tấn Chính Ngộ.....31
32. Pháp Chính Càn Khôn.....32
33. Đại Pháp Hảo.....33
34. Chung Lâu..... 34
35. Cổ Lâu..... 35
36. Phật Pháp Vô Biên.....36
37. Nhập Vô Sinh Chi Môn.....37
38. Như Lai.....38
39. Chính Niệm Chính Hành.....39
40. Thần Lộ Nan.....40
41. Chính Thần..... 41
42. Thiên Hựu Thanh.....42
43. Chấn Nhiếp.....43
44. Khoái Giảng.....44
45. Thanh Tỉnh.....45
46. Thùy Mê.....46
47. Võng tại thu..... 47
48. Hoàn Ba..... 48
49. Thần Uy..... 49
50. Vi Tiễu..... 50
51. Mai (Nguyên khúc).....51
52. Hạ Trần..... 52
53. Đại Pháp Hành (Tống Từ).....53
54. Nhất Niệm Trung.....55
55. Đường Phong.....56
56. Khán Hảo.....57
57. Đọc Học Viên Văn Chương.....58
58. Loạn Thế (Tống từ).....59
59. Chính Pháp Khán.....60
60. Chinh..... 61
61. Lý Trí Tỉnh Giác..... 62
62. Kim Cương Chí.....63
63. Pháp Chính Nhất Thiết.....64
64. Long Tuyền Tự..... 65
65. Đại Pháp Đồ (Tống từ).....66
66. Pháp Luân Thường Chuyển.....67
67. Hồng Thệ Đại Nguyện.....68
68. Cứu Đại Khung.....69
69. Kiếp Số (Nguyên khúc).....70
70. Nguy..... 71
71. Liên (Nguyên Khúc).....72
72. Đoạn (Nguyên khúc).....73
73. Hương Liên.....74
74. Pháp chính nhân gian thời.....75
75. Xuẩn (Nguyên khúc).....76
76. Biệt ai.....77
77. Yêu Cổ Đội (Nguyên khúc).....78
78. Nan.....79
79. Sư Đồ Ân..... 80
80. Thần Tỉnh.....81
81. Thiên Môn Dĩ Khai.....82
82. Phạ Xá.....83
83. Chuyển Luân.....84
84. Hồng Kiếp.....85

1. Kiên Định

堅定

覺悟者出世為尊
精修者心篤圓滿
巨難之中要堅定
精進之意不可轉

一九九九年五月三日
二零零四年二月修改

Kiên Định

Giác ngộ giả xuất thế vi tôn
Tinh tu giả tâm đốc viên mãn
Cự nạn chi trung yếu kiên định
Tinh tấn chi ý bất khả chuyển

1999 niên 5 nguyệt 3 nhật
2004 niên 2 nguyệt tu cải

Tạm diễn nghĩa:

Kiên Định

Người giác ngộ là lấy điều xuất thế làm tôn quý
Người tu chuyên tâm [tinh thuần] là đặt tâm
vững chắc vào viên mãn
Trong nạn lớn cần kiên định
Ý chí tinh tấn không thể thay đổi

Ngày 3 tháng Năm năm 1999
Chỉnh sửa tháng Hai năm 2004

Tạm dịch:

Kiên Định

Bậc giác ngộ xuất thế vi tôn
Kẻ tinh tu tâm vững viên mãn
Ở trong nạn lớn phải kiên định
Ý chí tinh tấn không lay chuyển

Ngày 3 tháng Năm năm 1999
Chỉnh sửa tháng Hai năm 2004

Ghi chú: Câu thứ nhất, 'Giác ngộ giả xuất thế vi tôn', cũng có thể được diễn giải là 'Bậc giác ngộ mà xuất thế thì là tôn quý, là bậc Tôn giả'; từ 'tinh tu' trong câu thứ hai có thể được diễn giải là 'người tu tinh tấn'; (tất cả các ghi chú trong sách này đều của người dịch, chỉ để tham khảo).

2. Vô Đề

無題

大法看人心
世人要清醒
神人鬼畜滅
位置自己定

一九九九年五月三日
二零零四年二月修改

Vô Đề

Đại Pháp khán nhân tâm
Thế nhân yếu thanh tỉnh
Thần nhân quỷ súc diệt
Vị trí tự kỷ định

1999 niên 5 nguyệt 3 nhật
2004 niên 2 nguyệt tu cải

Tạm diễn nghĩa:

Không Tựa Đề

Đại Pháp xem xét lòng người
Con người thế gian cần phải thanh tỉnh
Thành Thần, người, quỷ, súc sinh, hay là bị diệt
Vị trí ấy tự mình định ra [lựa chọn]

Ngày 3 tháng Năm năm 1999
Chỉnh sửa tháng Hai năm 2004

Tạm dịch:

Vô Đề

Đại Pháp xét lòng người
Thế nhân phải thanh tỉnh
Thần, người, quỷ, súc, diệt
Vị trí tự mình định

Ngày 3 tháng Năm năm 1999
Chỉnh sửa tháng Hai năm 2004

3. Kiến Chân Tính

見真性

堅修大法心不動
提高層次是根本
考驗面前見真性
功成圓滿佛道神

一九九九年五月八日

Kiến Chân Tính

Kiên tu Đại Pháp tâm bất động
Đề cao tầng thứ thị căn bản
Khảo nghiệm diện tiền kiến chân tính
Công thành viên mãn Phật Đạo Thần

1999 niên 5 nguyệt 8 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chân Tính Hiển Lộ, Thấy Được

Tu Đại Pháp chắc chắn với tâm không lay chuyển
Nâng cao tầng là việc căn bản
Đối diện với khảo nghiệm chân tính được lộ rõ, thấy chân tính
Tu thành viên mãn trở thành Phật Đạo Thần

Ngày 8 tháng Năm năm 1999

Tạm dịch:

Kiến Chân Tính

Vững tu Đại Pháp chẳng động tâm
Căn bản chính là nâng cao tầng
Đối mặt khảo nghiệm thấy chân tính
Công thành viên mãn Phật Đạo Thần

Ngày 8 tháng Năm năm 1999

4. Tâm Tự Minh

心自明

法度眾生師導航
一帆升起億帆揚
放下執著輕舟快
人心凡重難過洋
風雲突變天欲墜
排山搗海翻惡浪
堅修大法緊隨師
執著太重迷方向
船翻帆斷逃命去
泥沙淘盡顯金光
生死非是說大話
能行不行見真相
待到它日圓滿時
真相大顯天下茫

一九九九年十月十二日
二零零零年五月二十二日發表

Tâm Tự Minh

Pháp độ chúng sinh Sư đạo hàng
Nhất phàm thăng khởi ức phàm giương
Phóng hạ chấp trước khinh chu khoái
Nhân tâm phàm trọng nan quá dương
Phong vân đột biến thiên dục trụy
Bài sơn đảo hải phiên ác lãng
Kiên tu Đại Pháp khẩn tùy Sư
Chấp trước thái trọng mê phương hướng
Thuyền phiên phàm đoạn đào mệnh khứ
Nê sa đào tận hiển kim quang
Sinh tử phi thị thuyết đại thoại
Năng hành bất hành kiến chân tướng
Đãi đáo tha nhật viên mãn thời
Chân tướng đại hiển thiên hạ mang

1999 niên 10 nguyệt 12 nhật
2000 niên 5 nguyệt 22 nhật phát biểu

Tạm diễn nghĩa:

Tâm Tự Sáng Tỏ, Tự Rõ

Pháp cứu độ chúng sinh, Sư phụ dẫn lối
Một cánh buồm căng lên, trăm triệu cánh buồm giương theo
Vứt bỏ chấp trước xuống, thuyền nhẹ lướt nhanh
Tâm của người phàm nặng nề, khó mà vượt nổi đại dương
Gió mây đột biến, trời như sập xuống
Núi lở biển động, sóng lớn cuộn dâng
Vững lòng tu Đại Pháp, theo sát Sư phụ
Chấp trước quá nặng nề, mê mờ mất cả phương hướng
Thuyền lật buồm đứt, tháo chạy để toàn mạng
Đãi sạch bùn cát, lộ ánh vàng kim
Chuyện sống chết không qua việc nói mạnh miệng mà biết được
Có thể làm được hay không thì mới thấy rõ chân tướng
Đợi cho đến ngày kia viên mãn rồi
Chân tướng hiển lộ rõ, toàn thiên hạ ngỡ ngàng

Ngày 12 tháng Mười năm 1999
Công bố ngày 22 tháng Năm năm 2000

Tạm dịch:

Tâm Tự Minh

Pháp độ chúng sinh, Thầy dẫn lối
Một buồm căng, trăm triệu thuyền theo
Bỏ chấp trước, thuyền nhanh nhẹ lướt
Nặng tâm phàm, biển rộng sao qua
Gió mây chợt chuyển, trời muốn sập
Núi lở biển gầm, sóng cuộn dâng
Sát theo Thầy, vững tu Đại Pháp
Chấp trước nhiều, lạc hướng chốn mê
Thuyền lật buồm tan, chạy thoát thân
Cát bùn đãi sạch, thấy vàng chân
Chỗ sinh tử, nói nhiều chẳng đặng
Làm được không, mới thật tỏ tường
Một mai cho đến ngày viên mãn
Sự thực lộ ra mới bàng hoàng

Ngày 12 tháng Mười năm 1999
Công bố ngày 22 tháng Năm năm 2000

5. Báo Ứng

報應

末世爛鬼多
披著人皮作
間隔一除盡
世上擺油鍋

二零零零年九月一日
庚辰年八月四日

Báo Ứng

Mạt thế lạn quỷ đa
Phi trước nhân bì tác
Gián cách nhất trừ tận
Thế thượng bãi du oa

2000 niên 9 nguyệt 1 nhật
Canh Thìn niên 8 nguyệt 4 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Báo Ứng

Thời mạt thế lạn quỷ rất nhiều
Núp bộ da người mà hoạt động
Một khi những những gián cách bị trừ sạch hết
Trên thế gian có bày vạc dầu

Ngày 1 tháng Chín năm 2000
Ngày 4 tháng Tám năm Canh Thìn

Tạm dịch:

Báo Ứng

Mạt thế lạn quỷ nhiều
Khoác da người tác quái
Ngăn cách hễ trừ hết
Thế gian bày vạc dầu

Ngày 1 tháng Chín năm 2000
Ngày 4 tháng Tám năm Canh Thìn

Ghi chú: lạn quỷ: quỷ hư nát, hủ hoá; dùng để nói về những sinh mệnh đã cực kỳ biến dị ở không gian khác (trong các bài kinh văn và giảng Pháp, Sư phụ có giảng kỹ về khái niệm này). vạc dầu: thường biểu đạt sự trừng phạt ở địa ngục.

6. Pháp Võng

法網

明慧救度有緣者
新生可去腦中惡
人民刀筆鬼生愁
法輪大法是正見

二零零一年一月十七日
庚辰年十二月二十三日

Pháp Võng

Minh Huệ cứu độ hữu duyên giả
Tân Sinh khả khứ não trung ác
Nhân Dân đao bút quỷ sinh sầu
Pháp Luân Đại Pháp thị chính kiến

2001 niên 1 nguyệt 17 nhật
Canh Thìn niên 12 nguyệt 23 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Lưới Pháp

Minh Huệ cứu độ kẻ có duyên phận
Tân Sinh có thể trừ khử đi tà ác trong đầu óc
Nhân Dân ngọn bút bén như dao khiến ma quỷ sinh sầu
Pháp Luân Đại Pháp là chính kiến

Ngày 17 tháng Giêng năm 2001
Ngày 23 tháng Chạp năm Canh Thìn

Tạm dịch:

Pháp Võng

Minh Huệ cứu độ người có duyên
Tân Sinh khử đi ác trong đầu
Nhân Dân bút bén quỷ sinh sầu
Pháp Luân Đại Pháp là chính kiến

Ngày 17 tháng Giêng năm 2001
Ngày 23 tháng Chạp năm Canh Thìn

Ghi chú: lưới (net) tiếng Hoa cũng có nghĩa là website; trong bài thơ có nhắc tới tên các website: Minh Huệ (http://minghui.org), Tân Sinh (http://xinsheng.net), Báo Nhân Dân(http://renminbao.com), Pháp Luân Đại Pháp (http://falundafa.org), và Chính Kiến (http://zhengjian.org).

7. Chính Đại Khung

正大宫

邪惡逞幾時
盡顯眾生志
此劫誰在外
笑看眾神癡

二零零一年二月十日
辛巳年正月十八日

Chính Đại Khung

Tà ác sính kỷ thời
Tận hiển chúng sinh chí
Thử kiếp thùy tại ngoại
Tiếu khán chúng Thần si

2001 niên 2 nguyệt 10 nhật
Tân Tỵ niên Chinh nguyệt 18 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chỉnh Lại Gầm Trời To Lớn

Tà ác còn hoành hành ngang ngược được mấy lúc
Chí hướng của chúng sinh đã thể hiện trọn vẹn
Liệu ai có thể ở ngoài kiếp nạn này
[Ta] mỉm cười nhìn xem sự si ngốc của chư Thần

Ngày 10 tháng Hai năm 2001
Ngày 18 tháng Giêng năm Tân Tỵ.

Tạm dịch:

Chính Đại Khung

Tà ác còn mấy thời
Tâm chúng sinh đã tỏ
Ai ngoài kiếp nạn này
Nhạo xem chúng Thần si

Ngày 10 tháng Hai năm 2001
Ngày 18 tháng Giêng năm Tân Tỵ.

8. Phổ chiếu

普照

神佛世上走
邪惡心生愁
亂世大法解
截窒世下流

二零零一年二月十七日
辛巳年正月二十五日

Phổ Chiếu

Thần Phật thế thượng tẩu
Tà ác tâm sinh sầu
Loạn thế Đại Pháp giải
Tiệt trất thế hạ lưu

2001 niên 2 nguyệt 17 nhật
Tân Tỵ niên Chính nguyệt 25 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chiếu Sáng Rộng Khắp

Thần Phật đi lại trên thế gian
Tà ác lo âu sầu não
Đại Pháp hóa giải thời loạn thế
Ngăn chặn việc thế gian xuống dốc

Ngày 17 tháng Hai năm 2001
Ngày 25 tháng Giêng năm Tân Tỵ.

Tạm dịch:

Phổ Chiếu

Thần Phật đến thế gian
Tà ác lo sinh sầu
Đại Pháp giải loạn thế
Chặn trượt dốc thế gian

Ngày 17 tháng 2 năm 2001
Ngày 25 tháng Giêng năm Tân Tỵ.

9. Trừ ác

除惡

車行十萬里
揮劍消惡急
天傾立掌擎
法正去陰罹

二零零一年二月十九日
辛巳年正月二十七日

Trừ Ác

Xa hành thập vạn lý
Huy kiếm tiêu ác cấp
Thiên khuynh lập chưởng kình
Pháp chính khứ âm ly

2001 niên 2 nguyệt 19 nhật
Tân Tỵ niên Chính nguyệt 27 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Diệt Trừ Tà Ác

Xe đi mười vạn dặm
Múa kiếm nhanh gấp tiêu trừ tà ác
Bầu trời nghiêng đổ xuống, dựng tay chống lên
Đại Pháp cải chính trừ bỏ những gì đen tối, âm u

Ngày 19 tháng Hai năm 2001
Ngày 27 tháng Giêng năm Tân Tỵ

Tạm dịch:

Trừ Ác

Xe chạy trăm nghìn dặm
Múa kiếm nhanh trừ ác
Trời nghiêng lập chưởng nâng
Pháp chính trừ âm ám

Ngày 19 tháng 2 năm 2001
Ngày 27 tháng Giêng năm Tân Tỵ

10. Vô

無

無無無空無東西
無善無惡出了極
進則可成萬萬物
退去全無永是迷

二零零一年二月二十二日

Vô

Vô vô vô không vô đông tây
Vô thiện vô ác xuất liễu cực
Tiến tắc khả thành vạn vạn vật
Thoái khứ toàn vô vĩnh thị mê

2001 niên 2 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Vô

Không 'vô', không 'không', không gì cả
Không 'thiện' không 'ác', vượt khỏi [khái niệm] các cực
Tiến, có thể [diễn hoá] thành vạn vật
Lui, toàn bộ [tất cả] trở lại thành 'vô', vĩnh viễn là 'mê', là ẩn đố vĩnh viễn không giải được

Ngày 22 tháng Hai năm 2001

Ghi chú: Bài này nên đọc thẳng phần Hán-Việt, không dịch thơ nữa.

11. Lưu ý

留意

一路征塵一路風
萬惡除盡萬眾生
勞心力解淵怨事
難得歡心看風景

二零零一年二月二十二日

Lưu Ý

Nhất lộ chinh trần nhất lộ phong
Vạn ác trừ tận vạn chúng sinh
Lao tâm lực giải uyên oán sự
Nan đắc hoan tâm khán phong cảnh

2001 niên 2 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Lưu Ý

Suốt một đường cát bụi, một đường gió
Vạn ác [bị] tận diệt, vạn chúng [được] sinh
Nhọc tâm cố gắng dùng lực hóa giải những chuyện oán hận lâu đời
Khó mà vui vẻ ngắm phong cảnh

Ngày 22 tháng Hai năm 2001

Tạm dịch:

Lưu Ý

Đằng đẵng một đường đầy gió bụi
Diệt tận vạn ác cứu chúng sinh
Nhọc lòng hóa giải bao ân oán
Khó được thảnh thơi ngắm phong cảnh

Ngày 22 tháng Hai năm 2001

Ghi chú: Cách dùng từ đối nhau giữa vạn và nhất ở bài thơ, điển hình trong cách đối của người Hoa.

12. Hành Trung

行中

天涯何處險
一覽峽中天
神仙何處尋
對面不識仙

二零零一年二月二十二日
於美國大峽谷

Hành Trung

Thiên nhai hà xứ hiểm
Nhất lãm hiệp trung thiên
Thần Tiên hà xứ tầm
Đối diện bất thức Tiên

2001 niên 2 nguyệt 22 nhật
Ư Mỹ quốc Đại Hiệp Cốc

Tạm diễn nghĩa:

Giữa Chặng Hành Trình

Đi khắp cùng trời cuối đất hỏi đâu hiểm trở
Hãy ngắm nhìn bầu trời trong thung lũng hẹp
Hỏi nơi nào tìm được Thần Tiên
Ngay trước mặt mà không biết đó là vị Tiên

Ngày 22 tháng Hai năm 2001
Tại Grand Canyon Mỹ quốc

Tạm dịch:

Hành Trung

Chân trời nơi nào hiểm
Ngắm trời thung lũng hẹp
Thần Tiên tìm ở đâu
Đối mặt không biết Tiên

Ngày 22 tháng Hai năm 2001
Tại Grand Canyon Mỹ quốc

13. Giải Đại Kiếp

解大劫

多少人間亂事
歷經重重恩怨
心惡業大無望
大法盡解淵源

二零零一年二月二十二日

Giải Đại Kiếp

Đa thiểu nhân gian loạn sự
Lịch kinh trùng trùng ân oán
Tâm ác nghiệp đại vô vọng
Đại Pháp tận giải uyên nguyên

2001 niên 2 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Hóa Giải Kiếp Nạn Lớn

Bao nhiêu việc rối rít trên đời
Nếm trải trùng trùng ân oán
Tâm ác nghiệp lại to lớn không còn hy vọng
Đại Pháp hóa giải hoàn toàn những nguyên do lâu đời ấy

Ngày 22 tháng Hai năm 2001

Tạm dịch:

Giải Đại Kiếp

Bao nhiêu việc loạn nhân gian
Trải qua trùng trùng ân oán
Tâm ác nghiệp lớn vô vọng
Đại Pháp tận giải uyên nguyên

Ngày 22 tháng Hai năm 2001

14. Đắc Đạo Minh

得道明

一朝天子一朝眾
朝朝接緣把法等
別管當朝緣中事
圓滿回家萬事通

二零零一年二月二十四日

Đắc Đạo Minh

Nhất triều thiên tử nhất triều chúng
Triều triều tiếp duyên bả Pháp đẳng
Biệt quản đương triều duyên trung sự
Viên mãn hồi gia vạn sự thông

2001 niên 2 nguyệt 24 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đắc Đạo Sẽ Minh Bạch

Mỗi triều đại vua chúa có dân chúng của triều đại ấy
Triều đại nối tiếp nhau đều tiếp duyên chờ đợi Pháp
Chớ bận lo những việc duyên với triều đại bấy giờ
Viên mãn về nhà thì tất cả mọi việc đều thông tỏ

Ngày 24 tháng Hai năm 2001

Tạm dịch:

Đắc Đạo Minh

Mỗi triều thiên tử một triều dân
Triều triều tiếp duyên chờ đợi Pháp
Đừng lo việc duyên triều đại ấy
Viên mãn về nhà vạn sự thông

Ngày 24 tháng Hai năm 2001

15. Vô mê

無迷

誰是天之主
層層離法徒
自命主天宮
歸位期已近
看誰還糊塗

二零零一年三月十四日

Vô Mê

Thùy thị Thiên chi Chủ
Tầng tầng ly Pháp đồ
Tự mệnh chủ thiên khung
Quy vị kỳ dĩ cận
Khán thùy hài hồ đồ

2001 niên 3 nguyệt 14 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Không Có Mơ Hồ

Ai là Chủ của Trời
Những kẻ đã rời xa Pháp trong mỗi tầng lớp không gian
Tự cho mình làm chủ bầu trời bao la
Thời gian trở về vị trí đã gần kề
Xem ai vẫn còn đang hồ đồ

Ngày 14 tháng 3 năm 2001

Tạm dịch:

Vô Mê

Ai là Chủ của Trời
Tầng tầng ly Pháp đồ
Tự nhận chủ khung trời
Thời quy vị đã gần
Xem ai còn hồ đồ

Ngày 14 tháng 3 năm 2001

16. Đạo Trung Hành

道中行

大道世間行
救度迷中生
淘去名情利
何難能阻聖

二零零一年三月十九日

Đạo Trung Hành

Đại Đạo thế gian hành
Cứu độ mê trung sinh
Đào khứ danh tình lợi
Hà nan năng trở Thánh

2001 niên 3 nguyệt 19 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Hành trên Con Đường Đạo

Đại Đạo đang truyền [hành] trên thế gian
Cứu độ chúng sinh ở trong mê
Đào thải đi danh lợi tình
Còn khó khăn gì mà có thể cản trở được Thánh

Ngày 19 tháng Ba năm 2001

Tạm dịch:

Đạo Trung Hành

Đại Đạo thế gian hành
Cứu độ chúng sinh mê
Bỏ đi danh lợi tình
Khó nào cản nổi Thánh

Ngày 19 tháng Ba năm 2001

17. Khứ Chấp

去執

雖言修煉事
得去心中執
割捨非自己
都是迷中癡

二零零一年四月十六日
辛巳年三月二十三日

Khứ Chấp

Tuy ngôn tu luyện sự
Đắc khứ tâm trung chấp
Cát xả phi tự kỷ
Đô thị mê trung si

2001 niên 4 nguyệt 16 nhật
Tân Tỵ niên 3 nguyệt 23 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Vứt Bỏ Chấp Trước

Tuy [có thể] nói về việc tu luyện
Nhưng phải bỏ đi chấp trước trong tâm
Thứ bị cắt bỏ không phải chính mình
Mà đều là cái si trong mê

Ngày 16 tháng Tư năm 2001
Ngày 23 tháng Ba năm Tân Tỵ

Tạm dịch:

Khứ Chấp

Tuy nói việc tu luyện
Phải buông chấp trong tâm
Cắt bỏ không phải mình
Đều là si trong mê

Ngày 16 tháng Tư năm 2001
Ngày 23 tháng Ba năm Tân Tỵ

18. Vô Trở

無阻

修煉路不同
都在大法中
萬事無執著
腳下路自通

二零零一年四月十六日
辛巳年三月二十三日

Vô Trở

Tu luyện lộ bất đồng
Đô tại Đại Pháp trung
Vạn sự vô chấp trước
Cước hạ lộ tự thông

2001 niên 4 nguyệt 16 nhật
Tân Tỵ niên 3 nguyệt 23 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Không Có Cản Trở

Con đường tu luyện tuy khác nhau
Nhưng đều trong Đại Pháp
Tất cả sự việc không có chấp trước
Con đường dưới chân sẽ tự thông suốt

Ngày 16 tháng Tư năm 2001
Ngày 23 tháng Ba năm Tân Tỵ

Tạm dịch:

Vô Trở

Đường tu luyện khác nhau
Đều ở trong Đại Pháp
Vạn sự không chấp trước
Đường dưới chân tự thông

Ngày 16 tháng Tư năm 2001
Ngày 23 tháng Ba năm Tân Tỵ

19. Duyên Kết Liên Khai

緣結蓮開

風流人物今何在
大法開壇相繼來
歲月悠悠千百度
緣結正果眾蓮開

二零零一年六月十九日

Duyên Kết Liên Khai

Phong lưu nhân vật kim hà tại
Đại Pháp khai đàn tương kế lai
Tuế nguyệt du du thiên bách độ
Duyên kết chính quả chúng liên khai

2001 niên 6 nguyệt 19 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Duyên Kết và Hoa Sen Nở

Nhân vật phong lưu bây giờ ở nơi nào
Đại Pháp mở đàn [giảng Pháp] [họ] kế tiếp nhau mà đến
Tháng năm đằng đẵng trải qua trăm ngàn lượt [thăng trầm]
Duyên kết thành chính quả và hoa sen nở

Ngày 19 tháng Sáu năm 2001

Tạm dịch:

Duyên Kết Liên Khai

Nhân vật phong lưu nay ở đâu
Đại Pháp khai truyền theo nhau đến
Tháng năm đằng đẵng bao nếm trải
Duyên kết chính quả nở hoa sen

Ngày 19 tháng Sáu năm 2001

Ghi chú: hình tượng hoa sen nở (ở thế giới của Phật) thể hiện cho người đắc chính quả và được cứu độ (vào thế giới đó); 'duyên kết' trong bài thơ này có thể được hiểu là cái 'duyên' xa xưa của các sinh mệnh từng đóng vai nhân vật lịch sử nay đã 'kết' trong thời Đại Pháp hồng truyền.

20. Tiệm Tề

漸齊

惡浪翻中見霞跡
各項劫數已漸齊
蒼穹法正乾坤定
返還世間掐蝨蟣

二零零一年七月十七日

Tiệm Tề

Ác lãng phiên trung kiến hà tích
Các hạng kiếp số dĩ tiệm tề
Thương khung Pháp chính càn khôn định
Phản hoàn thế gian kháp sắt kỷ

2001 niên 7 nguyệt 17 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Dần Dần Tề Tựu Đầy Đủ

Trong lớp sóng lớn hung dữ thấy áng chiều tàn
Các hạng kiếp số dần dần tề tựu đầy đủ
Pháp chính lại gầm trời xanh, định càn khôn vũ trụ
Quay trở lại cõi người vặt những con rận con

Ngày 17 tháng 7 năm 2001

Tạm dịch:

Tiệm Tề

Sóng to bão táp vết chiều tàn
Các hạng kiếp số dần hội đủ
Chính Pháp thiên không định càn khôn
Quay lại cõi người vặt rận nhỏ

Ngày 17 tháng 7 năm 2001

21. Chân Ngôn

真言

神佛來世間
句句吐真言
天地人神事
真機為法傳

二零零一年八月十九日

Chân Ngôn

Thần Phật lai thế gian
Cú cú thổ chân ngôn
Thiên địa nhân Thần sự
Chân cơ vi Pháp truyền

2001 niên 8 nguyệt 19 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chân Ngôn

Thần Phật đến thế gian
Từng câu nói ra đều là lời chân thật
[Dù là nói về] chuyện của trời đất cũng như của Thần và người
[Thì] bí ẩn (cơ) thật sự (chân) chính là vì để truyền Pháp

Ngày 19 tháng Tám năm 2001

Tạm dịch:

Chân Ngôn

Thần Phật đến thế gian
Từng câu là chân ngôn
Chuyện Thần người trời đất
Chân cơ vì Pháp truyền

Ngày 19 tháng Tám năm 2001

22. Thu Phong Lương

秋風涼

邪惡之徒慢猖狂
天地復明下沸湯
拳腳難使人心動
狂風引來秋更涼

二零零一年十月二十五日

Thu Phong Lương

Tà ác chi đồ mạn xương cuồng
Thiên địa phục minh hạ phí thang
Quyền cước nan sử nhân tâm động
Cuồng phong dẫn lai Thu cánh lương

2001 niên 10 nguyệt 25 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Cái Lạnh Của Gió Thu

Đám tà ác chớ hung hăng càn quấy
Khi trời đất sáng tỏ trở lại [các ngươi] sẽ bị hạ vào [vạc] nước sôi
Đấm đá khó mà thay đổi nổi tâm của con người
Gió dữ sẽ mang đến mùa Thu còn lạnh lẽo hơn

Ngày 25 tháng Mười năm 2001

Tạm dịch:

Thu Phong Lương

Đám đồ tà ác chớ điên cuồng
Đến khi trời sáng xuống dầu sôi
Đấm đá khó khiến lòng thay đổi
Cuồng phong dẫn đến Thu thêm hàn

Ngày 25 tháng Mười năm 2001

Ghi chú: nói về vạc dầu, vạc nước sôi là để chỉ về sự trừng phạt ở địa ngục, người Hoa nói về mùa Thu là có ý nói về mùa xử quyết tội phạm.

23. Dự

預

秋不去　春已到
人不信　全來到
天開口　大地燒
邪惡躲　壞人逃
功湧進　鬼哭嚎
大法徒　上九霄
主掌天地正人道

二零零一年十二月三十日

Dự

Thu bất khứ – Xuân dĩ đáo
Nhân bất tín – Toàn lai đáo
Thiên khai khẩu – Đại địa thiêu
Tà ác đoá – Hoại nhân đào
Công dũng tiến – Quỷ khốc hào
Đại Pháp đồ – Thượng cửu tiêu
Chủ trưởng thiên địa chính nhân đạo

2001 niên 12 nguyệt 30 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Dự Ngôn, Tiên Tri

Mùa Thu chưa qua, mùa Xuân đã tới
Những điều mà con người không tin đều đến
Trời mở miệng ra, trái đất bị thiêu
Tà ác lẩn trốn, kẻ xấu bỏ chạy
Công phụt lên, quỷ khóc gào
Các đồ đệ Đại Pháp thăng thượng lên trời
Làm chủ trời đất chỉnh lại đạo lý cõi người

Ngày 30 tháng Chạp năm 2001

Tạm dịch:

Dự

Thu chưa qua – Xuân đã tới
Người không tin – Đều đến rồi
Trời mở miệng – Đất bị thiêu
Tà ác trốn – Người xấu chạy
Công phụt lên – Quỷ khóc gào
Đại Pháp đồ – Thăng lên trời
Làm chủ trời đất chỉnh đạo người

Ngày 30 tháng Chạp năm 2001

Ghi chú: Cửu tiêu: trong văn hóa Trung Hoa là chỉ 9 tầng trời trong tam giới, cũng có thể chỉ tầng thứ 9 (cao nhất), cũng có thể là để chỉ các tầng trời nói chung. Nhân đạo có thể hiểu là đạo lý cõi người hoặc có thể hiểu là cõi người nói chung (nhân đạo là một đạo trong các đường luân hồi nội trong tam giới).

24. Đại Đạo hành

大道行

舉目望青天
洪微皆是眼
上下聚焦處
大道行世間

二零零二年一月十五日

Đại Đạo Hành

Cử mục vọng thanh thiên
Hồng vi giai thị nhãn
Thượng hạ tụ tiêu xứ
Đại Đạo hành thế gian

2002 niên 1 nguyệt 15 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đại Đạo Hành

Ngước mắt mà nhìn lên bầu trời xanh
Từ hồng quan đến vi quan đều là mắt
Chỗ mà trên dưới đều hội tụ vào
Đại Đạo đang làm các việc ở thế gian

Ngày 15 tháng Giêng năm 2002

Tạm dịch:

Đại Đạo Hành

Ngước mắt nhìn trời xanh
Lớn nhỏ đều là mắt
Trên dưới đều tụ vào
Đại Đạo thế gian hành

Ngày 15 tháng Giêng năm 2002

25. Kiếp

劫

黯黯陰雲幾日渾
嚴寒盡逝已見春
眾生醒見驚心事
中原半壁覆沙塵

二零零二年一月二十二日

Kiếp

Ảm ảm âm vân kỷ nhật hồn
Nghiêm hàn tận thệ dĩ kiến Xuân
Chúng sinh tỉnh kiến kinh tâm sự
Trung Nguyên bán bích phúc sa trần

2002 niên 1 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Kiếp Nạn

Ảm đạm mây âm chỉ còn mấy ngày đen tối nữa
Cái rét căm căm hết sạch là đã thấy mùa Xuân
Chúng sinh tỉnh ra nhận thấy sự việc mà kinh động trong tâm
Một nửa thành lũy Trung Nguyên có cát bụi che phủ

Ngày 22 tháng Giêng năm 2002

Tạm dịch:

Kiếp

Mấy ngày ảm đạm đám mây âm
Rét buốt tận tàn thấy mùa Xuân
Chúng sinh tỉnh thấy tâm kinh động
Nửa cõi Trung Nguyên phủ sa trần

Ngày 22 tháng Giêng năm 2002

Ghi chú: Trung Nguyên: vùng trung thổ trung tâm Trung Quốc về phía Đông, chỉ Trung Quốc nói chung. Sa: cát; trần: bụi. Bán bích: nửa cõi (thường để chỉ phần đất nước bị đánh chiếm mất), bích: thành luỹ.

26. Tảo Trừ

掃除

陰雲過　風還急
赤龍斬　人還迷
邪惡處　有陰霾
大法徒　單掌立
除餘惡　正念起
講真相　救眾生
滅惡盡　掃寰宇

二零零二年一月二十三日

Tảo Trừ

Âm vân quá – Phong hài cấp
Xích long trảm – Nhân hài mê
Tà ác xứ – Hữu âm mai
Đại Pháp đồ – Đơn chưởng lập
Trừ dư ác – Chính niệm khởi
Giảng chân tướng – Cứu chúng sinh
Diệt ác tận – Tảo hoàn vũ

2002 niên 1 nguyệt 23 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Quét Sạch

Mây âm đã qua đi – Gió vẫn còn dữ dội
Rồng đỏ đã bị chặt đầu – Con người vẫn còn mê
Chỗ của tà ác – Có âm u tối tăm
Đồ đệ Đại Pháp – Lập thế đơn thủ lập chưởng
Trừ những tà ác còn lại – Khởi chính niệm
Giảng rõ chân tướng – Cứu độ chúng sinh
Diệt hết sạch tà ác – Quét sạch hoàn vũ

Ngày 23 tháng Giêng năm 2002

Tạm dịch:

Tảo Trừ

Mây âm qua – Gió còn mạnh
Chém rồng đỏ – Người còn mê
Chỗ tà ác – Tối âm u
Đại Pháp đồ – Đơn chưởng lập
Trừ dư ác – Khởi chính niệm
Giảng chân tướng – Cứu chúng sinh
Diệt ác tận – Sạch hoàn vũ

Ngày 23 tháng Giêng năm 2002

27. Tất Nhiên

必然

眾惡齊下何等狂
欺世大謊翻天揚
戲做人丑發盡飆
烘托大法後下湯

二零零二年一月三十日

Tất Nhiên

Chúng ác tề hạ hà đẳng cuồng
Khi thế đại hoang phiên thiên giương
Hí tố nhân sửu phát tận tiêu
Hồng thác Đại Pháp hậu hạ thang

2002 niên 1 nguyệt 30 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Điều Không Tránh Khỏi

Đám tà ác đều cùng nhau xuống đây, cuồng đến nhường nào
Ngập trời những bịa đặt lừa dối thế gian
Trong kịch đóng vai hề xấu, phát tác gió bão hết cỡ
Làm nổi bật Đại Pháp sau đó xuống [vạc] nước sôi

Ngày 30 tháng Giêng năm 2002

Tạm dịch:

Tất Nhiên

Tà ác điên cuồng đến cỡ nào
Bịa đặt lan tràn khắp bầu trời
Đóng kịch vai hề nổi bão táp
Nổi bật Đại Pháp xong xuống vạc

Ngày 30 tháng Giêng năm 2002

28. Đào

淘

天傾地覆落沙塵
毒害凡世幾億人
慈悲救度知多少
中原處處添新墳

二零零二年一月三十一日

Đào

Thiên khuynh địa phúc lạc sa trần
Độc hại phàm thế kỷ ức nhân
Từ bi cứu độ tri đa thiểu
Trung Nguyên xứ xứ thêm tân phần

2002 niên 1 nguyệt 31 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đào Thải, Tẩy Rửa

Trời nghiêng đất lật, trút xuống cát bụi
[Làm] độc hại mấy trăm triệu người ở thế giới phàm
Không biết từ bi cứu độ được bao nhiêu
Chỗ nào ở Trung Nguyên cũng thêm phần mộ mới

Ngày 31 tháng Giêng năm 2002

Tạm dịch:

Đào

Long trời lở đất lạc trần ai
Người hàng trăm triệu cõi phàm tai
Từ bi cứu độ bao nhiêu nhỉ
Chốn chốn Trung Nguyên lập mộ đài

Ngày 31 tháng Giêng năm 2002

29. Đại Vũ Đài

大舞台

人世五千載
中原是戲台
心癡戲中事
陸離多姿彩
醒來看你我
戲台為法擺

二零零二年二月一日

Đại Vũ Đài

Nhân thế ngũ thiên tải
Trung Nguyên thị hí đài
Tâm si hí trung sự
Lục ly đa tư thải
Tỉnh lai khán nhĩ ngã
Hí đài vi Pháp bãi

2002 niên 2 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Sân Khấu Lớn

Thế gian con người trải qua năm nghìn năm
Với Trung Nguyên là một đài diễn kịch
Tâm si mê vào sự tình trong vở kịch
Các thứ muôn màu muôn vẻ
Tỉnh lại nhìn chư vị nhìn tôi
Đài diễn kịch ấy là vì Pháp mà bày đặt ra

Ngày 1 tháng Hai năm 2002

Tạm dịch:

Vũ Đài Lớn

Nhân thế năm nghìn năm
Trung Nguyên là hí đài
Tâm mê theo kịch sự
Các thứ bao sắc màu
Tỉnh lại ta nhìn nhau
Hí đài lập vì Pháp

Ngày 1 tháng Hai năm 2002

30. Hí Nhất Đài

戲一台

天作幕　地是台
運乾坤　天地開
萬古事　為法來
法輪轉　新三才

二零零二年二月五日

Hí Nhất Đài

Thiên tác mạc – Địa thị đài
Vận càn khôn – Thiên địa khai
Vạn cổ sự – Vi Pháp lai
Pháp Luân chuyển – Tân tam tài

2002 niên 2 nguyệt 5 nhật

Diễn nghĩa:

Một Đài Diễn Kịch, Diễn Một Vở Kịch

Trời làm màn, đất là đài [sân khấu]
[Xoay] vận càn khôn [vũ trụ], thiên địa [trời đất] khai [mở]
Vạn sự việc cổ xưa, vì Pháp mà đến
Pháp Luân chuyển động, tam tài mới

Ngày 5 tháng Hai năm 2002

Tạm dịch:

Hí Nhất Đài

Trời làm màn – Đất là đài
Vận càn khôn – Thiên địa khai
Vạn cổ sự – Vì Pháp đến
Pháp Luân chuyển – Tân tam tài

Ngày 5 tháng Hai năm 2002

Ghi chú: Tam tài: thiên (trời), địa (đất), nhân (người).

31. Tinh Tấn Chính Ngộ

精進正悟

學法不危變在其中
堅信不動果正蓮成

二零零二年四月六日

Tinh Tấn Chính Ngộ

Học Pháp bất đãi biến tại kỳ trung
Kiên tín bất động quả chính liên thành

2002 niên 4 nguyệt 6 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Tinh Tấn Chính Ngộ

Học Pháp không chểnh mảng, biến hoá đều trong
đó cả
Lòng tin kiên định không lung lay; chính quả,
hoa sen kết thành

Ngày 6 tháng Tư năm 2002

Ghi chú: bài này không dịch thơ nữa, đọc giả có thể đọc phần Hán-Việt; quả chính liên thành có thể được diễn giải là thành tựu hoa sen chính quả.

32. Pháp Chính Càn Khôn

法正乾坤

慈悲能溶天地春
正念可救世中人

二零零二年四月六日

Pháp Chính Càn Khôn

Từ bi năng dung thiên địa Xuân
Chính niệm khả cứu thế trung nhân

2002 niên 4 nguyệt 6 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Pháp Chính Càn Khôn

Từ bi có thể hoà tan trời đất thành mùa Xuân
Chính niệm có thể cứu con người ở thế gian

Ngày 6 tháng 4 năm 2002

Ghi chú: Bài này không dịch thơ nữa, đọc giả có thể đọc phần Hán-Việt.

33. Đại Pháp Hảo

大法好

法輪大法好
大宮法光照
正法洪勢過
方知無限妙
法輪大法好
漸入世人道
眾生切莫急
神佛已在笑

二零零二年四月二十五日

Đại Pháp Hảo

Pháp Luân Đại Pháp hảo
Đại khung Pháp quang chiếu
Chính Pháp hồng thế qua
Phương tri vô hạn diệu

Pháp Luân Đại Pháp hảo
Tiệm nhập thế nhân đạo
Chúng sinh thiết mạc cấp
Thần Phật dĩ tại tiếu

2002 niên 4 nguyệt 25 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đại Pháp Là Tốt

Pháp Luân Đại Pháp là tốt
Ánh sáng của Pháp chiếu soi gầm trời rộng lớn
Cái thế lớn mạnh của Chính Pháp đi qua
Kỳ diệu vô hạn rồi mới biết

Pháp Luân Đại Pháp là tốt
Dần dần đến cõi thế gian con người
Chúng sinh chớ có sốt ruột
Thần Phật đã đang mỉm cười rồi

Ngày 25 tháng Tư năm 2002

Tạm dịch:

Đại Pháp Hảo

Pháp Luân Đại Pháp hảo
Pháp quang chiếu đại khung
Thế lớn Chính Pháp qua
Mới biết diệu vô cùng

Pháp Luân Đại Pháp hảo
Tiến nhập thế nhân đạo
Chúng sinh không phải vội
Thần Phật đang cười rồi

Ngày 25 tháng Tư năm 2002

34. Chung Lâu

鐘樓

洪聲震法界
法音傳十方

二零零二年五月五日

Chung Lâu

Hồng thanh trấn Pháp giới
Pháp âm truyền thập phương

2002 niên 5 nguyệt 5 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Lầu Chuông

Âm vang lớn chấn động khắp Pháp giới
Âm thanh của Pháp truyền mười phương

Ngày 5 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Chung Lâu

Âm vang chấn Pháp giới
Pháp âm truyền mười phương

Ngày 5 tháng Năm năm 2002

35. Cổ Lâu

鼓樓

重錘之下知精進
法鼓敲醒迷中人

二零零二年五月五日

Cổ Lâu

Trọng chùy chi hạ tri tinh tấn
Pháp cổ xao tỉnh mê trung nhân

2002 niên 5 nguyệt 5 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Lầu Trống

Dùi trống đập mạnh mà biết tinh tấn
Trống Pháp gõ tỉnh người trong mê

Ngày 5 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Cổ Lâu

Dùi trống đập mạnh biết tinh tấn
Trống Pháp gõ tỉnh người trong mê

Ngày 5 tháng Năm năm 2002

36. Phật Pháp Vô Biên

佛法無邊

香爐盡收亂法鬼
寶鼎熔化不法神

二零零二年五月五日

Phật Pháp Vô Biên

Hương lô tận thâu loạn Pháp quỷ
Bảo đỉnh dung hóa bất Pháp thần

2002 niên 5 nguyệt 5 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Phật Pháp Vô Biên

Lư hương thu hết ma quỷ làm loạn Pháp
Bảo đỉnh nóng chảy làm tan các thần không theo Pháp

Ngày 5 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Phật Pháp Vô Biên

Lư nhang thâu hết loạn Pháp quỷ
Bảo đỉnh nóng tan bất Pháp thần

Ngày 5 tháng Năm năm 2002

37. Nhập Vô Sinh Chi Môn

入無生之門

騎虎難下虎
人要與神賭
惡者事幹絕
堵死自生路

二零零二年五月十三日

Nhập Vô Sinh Chi Môn

Kỵ hổ nan hạ hổ
Nhân yếu dữ Thần đổ
Ác giả sự cán tuyệt
Đổ tử tự sinh lộ

2002 niên 5 nguyệt 13 nhật

Diễn nghĩa:

Bước Vào Cửa Vô Sinh

Cưỡi lưng hổ rồi khó mà xuống khỏi hổ được nữa
Con người muốn đánh cược với chư Thần [là sao]
Đã phạm vào hết cả những sự việc vốn của kẻ ác
Lấp kín chết cứng con đường 'sinh' của mình rồi

Ngày 13 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Nhập Vô Sinh Chi Môn

Cưỡi hổ khó xuống lắm
Người muốn cược với Thần
Phạm hết việc kẻ ác
Lấp chết cứng đường sinh

Ngày 13 tháng Năm năm 2002

38. Như Lai

如來

帶著如意真理來
灑灑脫脫走四海
法理撒遍世間道
滿載眾生法船開

二零零二年五月十三日

Như Lai

Đới trước như ý chân lý lai
Sái sái thoát thoát tẩu tứ hải
Pháp Lý tát biến thế gian đạo
Mãn tải chúng sinh Pháp thuyền khai

2002 niên 5 nguyệt 13 nhật

Diễn nghĩa:

Như Lai

Mang theo chân lý như ý mà đến
Thanh thoát ung dung đi khắp bốn biển
Rắc rải Pháp Lý trên khắp cõi thế gian
Thuyền Pháp chở đầy chúng sinh rời bến

Ngày 13 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Như Lai

Chân lý như ý mang tới đây
Bốn biển thong dong vững bước này
Pháp Lý hồng truyền thế gian đạo
Pháp thuyền khởi bến chúng sinh đầy

Ngày 13 tháng Năm năm 2002

Ghi chú: trong câu thứ nhất 'Đới trước như ý chân lý lai', có chữ như và chữ lai ghép lại thành từ Như Lai.

39. Chính Niệm Chính Hành

正念正行

大覺不畏苦
意志金剛鑄
生死無執著
坦蕩正法路

二零零二年五月二十九日

Chính Niệm Chính Hành

Đại giác bất uý khổ
Ý chí kim cương chú
Sinh tử vô chấp trước
Thản đãng Chính Pháp lộ

2002 niên 5 nguyệt 29 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Niệm Chân Chính Hành Sự Chân Chính

Bậc Đại Giác không e ngại khổ
Ý chí vốn hun đúc bằng kim cương
Không có chấp trước vào sống và chết
Đi trên con đường Chính Pháp một cách ung dung thanh thản

Ngày 29 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Chính Niệm Chính Hành

Đại Giác không sợ khổ
Ý chí kim cương đúc
Không chấp vào sinh tử
Thanh thản Chính Pháp lộ

Ngày 29 tháng Năm năm 2002

40. Thần Lộ Nan

神路難

悠悠萬世緣
大法一線牽
難中煉金體
何故步姍姍

二零零二年五月三十日

Thần Lộ Nan

Du du vạn thế duyên
Đại Pháp nhất tuyến khiên
Nạn trung luyện kim thể
Hà cố bộ tiên tiên

2002 niên 5 nguyệt 30 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Con Đường [Thành] Thần Khó Khăn

Duyên dài đằng đẵng từ vạn đời
Đại Pháp là một mạch xuyên suốt [những duyên ấy]
Trong nạn mà luyện được thân thể vàng ròng
Đi từng bước chậm chạp là vì cớ gì vậy

Ngày 30 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Thần Lộ Nan

Duyên đằng đẵng vạn đời
Đại Pháp một mạch xuyên
Trong nạn luyện kim thể
Sao chẳng bước nhanh lên

Ngày 30 tháng Năm năm 2002

41. Chính Thần

正神

正念正行
精進不停
除亂法鬼
善待眾生

二零零二年五月三十日

Chính Thần

Chính niệm chính hành
Tinh tấn bất đình
Trừ loạn Pháp quỷ
Thiện đãi chúng sinh

2002 niên 5 nguyệt 30 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Thần Chân Chính

Niệm chân chính hành vi chân chính
Tinh tấn không dừng lại
Diệt trừ quỷ đang làm loạn Pháp
Lấy Thiện đối đãi với chúng sinh

Ngày 30 tháng Năm năm 2002

Tạm dịch:

Chính Thần

Chính niệm chính hành
Tinh tấn không ngừng
Trừ quỷ loạn Pháp
Thiện với chúng sinh

Ngày 30 tháng Năm năm 2002

42. Thiên Hựu Thanh

天又清

天昏昏地暗暗
神雷炸陰霾散
横掃亂法爛鬼
别説慈悲心淡

二零零二年六月十六日
寫給美國中部法會

Thiên Hựu Thanh

Thiên hôn hôn địa ám ám
Thần lôi tạc âm mai tản
Hoành tảo loạn Pháp lạn quỷ
Biệt thuyết từ bi tâm đạm

2002 niên 6 nguyệt 16 nhật
Tả cấp Mỹ quốc trung bộ Pháp hội

Tạm diễn nghĩa:

Trời Trong Sáng Trở Lại

Trời tối tăm đất u ám
Thần đánh lôi sét nổ vang, mây âm tản đi
Quét sạch những quỷ hư nát [đang] làm loạn Pháp
Chớ nói rằng tâm từ bi mỏng quá

Ngày 16 tháng Sáu năm 2002
Viết cho Pháp hội tại miền Trung Hoa Kỳ

Tạm dịch:

Trời Lại Sáng

Trời tối tăm, đất u ám
Thần đánh sét, mây tan đi
Quét sạch lạn quỷ loạn Pháp
Chớ nói từ bi mỏng quá

Ngày 16 tháng Sáu năm 2002
Viết cho Pháp hội tại miền Trung Hoa Kỳ

43. Chấn Nhiếp

震懾

神筆震人妖
快刀爛鬼消
舊勢不敬法
揮毫滅狂濤

二零零二年七月二十八日

Chấn Nhiếp

Thần bút chấn nhân yêu
Khoái đao lạn quỷ tiêu
Cựu thế bất kính Pháp
Huy hào diệt cuồng đào

2002 niên 7 nguyệt 28 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chấn Nhiếp

Ngọn bút thần khiến yêu quái mang hình người khiếp sợ
Gươm bén khiến lạn quỷ bị tiêu trừ
Cựu thế lực không kính trọng Pháp
Huơ bút lông tiêu diệt sóng lớn cuồn cuộn

Ngày 28 tháng Bảy năm 2002

Tạm dịch:

Chấn Nhiếp

Bút thần chấn nhân yêu
Đao bén lạn quỷ tiêu
Cựu thế bất kính Pháp
Huơ bút diệt cuồng triều

Ngày 28 tháng Bảy năm 2002

Ghi chú: Cuồng đào (sóng lớn cuồn cuộn) chỉ sự điên cuồng của cựu thế lực.

44. Khoái Giảng

快講

大法徒講真相
口中利劍齊放
揭穿爛鬼謊言
抓緊救度快講

二零零二年八月二十一日

Khoái Giảng

Đại Pháp đồ giảng chân tướng
Khẩu trung lợi kiếm tề phóng
Yết xuyên lạn quỷ hoang ngôn
Trảo khẩn cứu độ khoái giảng

2002 niên 8 nguyệt 21 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Giảng Nhanh

Các đồ đệ Đại Pháp giảng rõ chân tướng
Như kiếm sắc từ trong miệng nhất tề phóng ra
Đâm toạc những lời vu khống của quỷ hư nát
Tận dụng thời cơ cứu độ và giảng nhanh lên

Ngày 21 tháng Tám năm 2002

Tạm dịch:

Giảng Nhanh

Đại Pháp đồ giảng chân tướng
Kiếm sắc trong miệng phóng ra
Tâm toạc vu khống lạn quỷ
Tận dụng cứu độ giảng nhanh

Ngày 21 tháng Tám năm 2002

45. Thanh Tỉnh

清醒

大法徒　抹去淚
撒旦魔　全崩潰
講真相　發正念
揭謊言　清爛鬼

二零零二年九月一日

Thanh Tỉnh

Đại Pháp đồ – Mạt khứ lệ
Tát Đán ma – Toàn băng hội
Giảng chân tướng – Phát chính niệm
Yết hoang ngôn – Thanh lạn quỷ

2002 niên 9 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Tỉnh Táo Rõ Ràng

Các đồ đệ Đại Pháp hãy gạt lệ
Quỷ Sa-tăng đã sụp đổ hoàn toàn
Giảng rõ chân tướng, phát chính niệm
Vạch trần lời giả dối, thanh trừ những quỷ hư nát

Ngày 1 tháng Chín năm 2002

Tạm dịch:

Thanh Tỉnh

Đại Pháp đồ – Hãy gạt lệ
Quỷ Sa-tăng – Sụp đổ rồi
Giảng chân tướng – Phát chính niệm
Vạch lời dối – Thanh lạn quỷ

Ngày 1 tháng Chín năm 2002

46. Thùy Mê

誰迷

細細微微一塵埃
造化眾生土中埋
迷中世人能得法
愚狂反在塵世外

二零零二年九月五日

Thùy Mê

Tế tế vi vi nhất trần ai
Tạo Hoá chúng sinh thổ trung mai
Mê trung thế nhân năng đắc Pháp
Ngu cuồng phản tại trần thế ngoại

2002 niên 9 nguyệt 5 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Ai Ở Trong Mê Hoặc

[Trên] một hạt bụi nhỏ tí tẹo
Chúng sinh của Tạo Hoá bị chôn vùi trong đất
Con người thế gian trong mê có thể đắc Pháp
Ngược lại kẻ ngu si ngông cuồng lại ở ngoài trần thế

Ngày 5 tháng Chín năm 2002

Tạm dịch:

Ai Mê

Nhỏ bé li ti hạt bụi trần
Chúng sinh Tạo Hoá vùi trong đất
Thế nhân trong mê đắc được Pháp
Ngu si ngông cuồng ngoài trần thế

Ngày 5 tháng Chín năm 2002

47. Võng tại thu

網在收

暴惡幾時狂
秋風已見涼
爛鬼心膽寒
末日看絶望

二零零二年九月十四日

Võng Tại Thu

Bạo ác kỷ thời cuồng
Thu phong dĩ kiến lương
Lạn quỷ tâm đảm hàn
Mạt nhật khán tuyệt vọng

2002 niên 9 nguyệt 14 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chiếc Lưới Đang Thu Xiết Lại

Bạo ác còn ngông cuồng được bao lâu nữa
Cái lạnh của gió Thu nay đã thấy được rồi
Quỷ hư nát tâm mật lạnh cóng run sợ
Đến ngày tàn là thấy tuyệt vọng

Ngày 14 tháng Chín năm 2002

Tạm dịch:

Lưới Đang Thu

Bạo ác cuồng bao lâu
Gió Thu hàn băng tới
Lạn quỷ tâm lạnh cóng
Ngày tàn thấy tuyệt vọng

Ngày 14 tháng Chín năm 2002

48. Hoàn Ba

還吧

十年傳法大門開
多少眾生進不來
迷在世間忘了本
狂風起時隨著壞

二零零二年十二月十二日

Hoàn Ba

Thập niên truyền Pháp đại môn khai
Đa thiểu chúng sinh tiến bất lai
Mê tại thế gian vong liễu bổn
Cuồng phong khởi thời tùy trước hoại

2002 niên 12 nguyệt 12 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Trở Về Đi

Mười năm truyền Pháp cửa rộng mở
Biết bao nhiêu chúng sinh không bước vào được
Mê mờ ở trên đời đã quên hẳn nguồn gốc
Khi cuồng phong trỗi dậy thì thuận theo đó mà hư hỏng

Ngày 12 tháng Chạp năm 2002

Tạm dịch:

Hoàn Ba

Mười năm truyền Pháp cửa rộng mở
Biết bao chúng sinh không vào được
Mê ở thế gian quên hẳn gốc
Cuồng phong trỗi dậy theo hư hỏng

Ngày 12 tháng Chạp năm 2002

49. Thần Uy

神威

塵消霧散氣漸清
世人迷醒眼中驚
大法洪勢漫人世
再看神佛世上行

二零零二年十二月廿八日
壬午年十一月廿五日

Thần Uy

Trần tiêu vụ tán khí tiệm thanh
Thế nhân mê tỉnh nhãn trung kinh
Đại Pháp hồng thế mãn nhân thế
Tái khán Thần Phật thế thượng hành

2002 niên 12 nguyệt 28 nhật
Nhâm Ngọ niên 11 nguyệt 25 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Thần Uy

Bụi trần tiêu sương mù tan không khí dần dần trong
Người thế gian thức tỉnh khỏi mê, chấn kinh đầy trong mắt
Thế lớn của Đại Pháp tràn ngập khắp thế gian con người
Lại nhìn thì thấy Thần Phật đi lại trên thế gian

Ngày 28 tháng Chạp năm 2002
Ngày 25 tháng Mười Một năm Nhâm Ngọ

Tạm dịch:

Thần Uy

Bụi tiêu sương tan trời dần trong
Thế nhân tỉnh mê thấy chấn kinh
Thế lớn Đại Pháp khắp nhân thế
Nhìn lại Thần Phật ở thế gian

Ngày 28 tháng Chạp năm 2002
Ngày 25 tháng Mười Một năm Nhâm Ngọ

50. Vi Tiễu

圍剿

天翻地覆人妖邪
欺世大謊陰風切
大法眾徒講真相
正念法力搗妖穴

二零零三年一月二十三日

Vi Tiễu

Thiên phiên địa phúc nhân yêu tà
Khi thế đại hoang âm phong thiết
Đại Pháp chúng đồ giảng chân tướng
Chính niệm Pháp lực đảo yêu huyệt

2003 niên 1 nguyệt 23 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Bao Vây Quét Trừ

Thế long trời lở đất của yêu quái tà ác mang hình người
Lời dối trá lừa gạt người đời như gió lạnh cắt
Các đồ đệ Đại Pháp nói rõ sự thật
Pháp lực của chính niệm phá tan hang yêu quái

Ngày 23 tháng Giêng năm 2003

Tạm dịch:

Vây Quét

Long trời lở đất nhân yêu tà
Lời dối gạt người gió lạnh cắt
Đồ đệ Đại Pháp giảng chân tướng
Pháp lực chính niệm phá hang yêu

Ngày 23 tháng Giêng năm 2003

51. Mai (Nguyên khúc)

梅元曲

濁世清蓮億萬梅
寒風姿更翠
連天雪雨神佛淚
盼梅歸
勿迷世中執著事
堅定正念
從古到今
只為這一回

Mai (Nguyên khúc)

Trọc thế thanh liên ức vạn mai
Hàn phong tư cánh thúy
Liên thiên tuyết vũ Thần Phật lệ
Phán mai quy
Vật mê thế trung chấp trước sự
Kiên định chính niệm
Tùng cổ đáo kim
Chỉ vì giá nhất hồi

2003 niên 1 nguyệt 28 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Hoa Mai (thơ khúc thời nhà Nguyên)

Hàng ức vạn đoá hoa mai như hoa sen thanh cao
trong thế gian ô trọc
Gió lạnh càng tỏ ra tư thái thanh thuý hơn
Mưa tuyết suốt ngày, nước mắt Thần Phật
Ngóng chờ hoa mai về
Chớ mê vào các việc chấp trước thế gian
Kiên định chính niệm
Từ xưa đến nay
Chỉ vì một dịp này

Ngày 28 tháng Giêng năm 2003

Tạm dịch:

Mai (Nguyên khúc)

Trọc thế thanh liên ức vạn mai
Gió lạnh nở càng tươi
Ngày đêm mưa tuyết Thần Phật lệ
Ngóng mai về
Đừng mê việc chấp trước thế gian
Kiên định chính niệm
Từ xưa đến nay
Chỉ vì một dịp này

Ngày 28 tháng Giêng năm 2003

52. Hạ Trần

下塵

法輪轉時必有狂
國力傾盡為吾忙
靜觀丑角妖戲盡
只剩殘土風中揚
輪迴五千雲和雨
揮去封塵看短長
大戲誰是風流主
只為眾生來一場

壬午年臘月二十九日
二零零三年一月三十
一日

Hạ Trần

Pháp Luân chuyển thời tất hữu cuồng
Quốc lực khuynh tận vi ngô mang
Tĩnh quan sửu giác yêu hí tận
Chỉ thặng tàn thổ phong trung giương
Luân hồi ngũ thiên vân hoà vũ
Đạn khứ phong trần khán đoản trường
Đại hí thuỳ thị phong lưu chủ
Chỉ vi chúng sinh lai nhất trường

Nhâm Ngọ niên Lạp nguyệt 28 nhật
2003 niên 1 nguyệt 31 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Hạ Xuống Trần Gian

Khi Pháp Luân xoay chuyển thì tất sẽ có cuồng
Dốc hết lực quốc gia để bận rộn vì ta
Lặng lẽ xem tên hề xấu diễn hết trò yêu quái
Chỉ còn lại bụi đất tung bay trong gió
Mây và mưa của luân hồi năm nghìn năm ấy
Phủi sạch bụi trần che phủ thì sẽ thấy hay dở
Trong vở kịch lớn ấy hỏi ai là chủ đằng sau
Chỉ vì chúng sinh mà đến đây một dịp này

Ngày 29 tháng Chạp năm Nhâm Ngọ
Ngày 31 tháng Giêng năm 2003

Tạm dịch:

Hạ Trần

Pháp Luân xoay chuyển ắt có cuồng
Dốc hết quốc lực bận vì tôi
Lặng xem hề diễn trò yêu quái
Còn lại bụi tàn theo gió bay
Luân hồi năm ngàn mưa với mây
Phủi sạch bụi trần thấy dở hay
Màn kịch lớn ấy ai là chủ
Chỉ vì chúng sinh đến lần này

Ngày 29 tháng Chạp năm Nhâm Ngọ
Ngày 31 tháng Giêng năm 2003

53. Đại Pháp Hành (Tống Từ)

大法行宋詞	**Đại Pháp Hành (Tống từ)**
法輪大法	Pháp Luân Đại Pháp
深未測	Thâm vị trắc
成大蒼穹	Thành đại thương khung
造眾生	Tạo chúng sinh
三字真言	Tam tự chân ngôn
理白言明	Lý bạch ngôn minh
常人知表得厚福	Thường nhân tri biểu đắc hậu phúc
官吏知淺明如鏡	Quan lại tri thiển minh như kính
王知理	Vương tri Lý
安邦治國	An bang trị quốc
得太平	Đắc thái bình
出盛世	Xuất thịnh thế
君臣正	Quân thần chính
延陰福	Diên âm phúc
民安定	Dân an định
五穀年年豐	Ngũ cốc niên niên phong
修者更明	Tu giả cánh minh
一朝得法入道中	Nhất triêu đắc Pháp nhập Đạo trung
精進實修功法成	Tinh tấn thực tu công pháp thành
反迫害	Phản bức hại
救度眾生	Cứu độ chúng sinh
神道行	Thần đạo hành
二零零三年三月二日	*2003 niện 3 nguyệt 2 nhật*
癸未年正月三十日	*Quý Mùi niên Chinh nguyệt 30 nhật*

Tạm diễn nghĩa:

Hành Trình Đại Pháp (thơ từ thời nhà Tống)

Pháp Luân Đại Pháp
Thâm sâu khôn lường
Hình thành bầu trời bao la
Tạo ra chúng sinh
Ba chữ chân ngôn
Lý và lời minh bạch rõ ràng
Người thường hiểu [nghĩa] bề mặt sẽ được phúc về sau
Quan chức hiểu [dù] chút ít sẽ sáng suốt như tấm gương
Vua mà biết Lý
Sẽ quản lý đất nước ổn định
Được thái bình
Tạo ra thời thế hưng thịnh
Vua và quần thần mà ngay chính
Sẽ kéo dài phúc tới cõi âm [ý là phúc đức đời sau]
Dân an định
Lương thực mọi năm đều được mùa phong phú
Người tu luyện mà hiểu rõ hơn
Một khi đắc Pháp tiến nhập vào trong Đạo
Tinh tấn thực tu công pháp thì sẽ thành
Phản đối bức hại
Cứu độ chúng sinh
Hành sự trên con đường của Thần

Ngày 2 tháng Ba năm 2003
Ngày 30 tháng Giêng năm Quý Mùi

Tạm dịch:

Đại Pháp Hành (Tống từ)

Pháp Luân Đại Pháp
Sâu khôn lường
Hình thành thương khung
Tạo chúng sinh
Ba chữ chân ngôn
Lý tỏ lời rõ
Người thường hiểu chút được hậu phúc
Quan chức hiểu chút sáng như gương
Vua biết Lý
An bang trị quốc
Hưởng thái bình
Tạo hưng thịnh
Vua quan chính
Tiếp phúc đức
Dân an định
Lương thực được phong phú
Người tu càng hiểu
Một khi đắc Pháp bước vào Đạo
Tinh tấn thực tu công pháp thành
Phản bức hại
Cứu độ chúng sinh
Thần đạo hành

Ngày 2 tháng Ba năm 2003
Ngày 30 tháng Giêng năm Quý Mùi

54. Nhất Niệm Trung

一念中

坦坦蕩蕩正大宮
巨難伴我天地行
成就功德腦後事
正天正地正眾生
真念洪願金剛志
再造大洪一念中

癸未年五月十三日

Nhất Niệm Trung

Thản thản đãng đãng chính đại khung
Cự nạn bạn ngã thiên địa hành
Thành tựu công đức não hậu sự
Chính thiên chính địa chính chúng sinh
Chân niệm hồng nguyện kim cương chí
Tái tạo đại hồng nhất niệm trung

Quý Mùi niên 5 nguyệt 13 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Trong Một Niệm

Đường hoàng thanh thản chính lại gầm trời rộng lớn
Khó khăn lớn bám theo ta khi hành sự khắp trời đất
Thành tựu công đức không phải điều bận tâm
Chính lại trời đất và chính lại chúng sinh
Chân niệm [chính là] nguyện vọng to lớn ý chí như kim cương
Tạo lại [vũ trụ] vĩ đại chỉ ở trong một [chân] niệm ấy

Ngày 13 tháng Năm năm Quý Mùi

Tạm dịch:

Nhất Niệm Trung

Đường hoàng thanh thản chính đại khung
Nạn lớn theo tôi giữa trời đất
Thành tựu công đức chẳng bận tâm
Chính trời chính đất chính chúng sinh
Chân niệm nguyện lớn chí kim cương
Tái tạo đại hồng trong một niệm

Ngày 13 tháng Năm năm Quý Mùi

Ghi chú: trong câu Chân niệm hồng nguyện kim cương chí: có chữ Hồng (洪) và chữ Chí (志) ghép lại thành tên tác giả.

55. Đường Phong

唐風

身在此山中
神思遊仙境
誰是古中原
不知大唐風

癸未六月

Đường Phong

Thân tại thử sơn trung
Thần tư du tiên cảnh
Thùy thị cổ Trung Nguyên
Bất tri Đại Đường phong

Quý Mùi 6 nguyệt

Tạm diễn nghĩa:

Phong Thái Đời Nhà Đường

Thân ở trong núi này
Tinh thần suy nghĩ đi du ngoạn cảnh thần tiên
Ai là [đến từ] Trung Nguyên cổ xưa
[Mà] không biết phong thái [đời nhà] Đường

Tháng Sáu năm Quý Mùi

Tạm dịch:

Đường Phong

Thân ở trong núi này
Thần tư du tiên cảnh
Ai là Trung Nguyên xưa
Không biết Đại Đường phong

Tháng Sáu năm Quý Mùi

56. Khán Hảo

看好

世間雖小　大穹盡照
滿天是眼　眾神聚焦
穹蒼從組　乾坤再造
爾要它要　可悲可笑
法主正穹　何物可逃

二零零三年六月十九日

Khán Hảo

Thế gian tuy tiểu — Đại khung tận chiếu
Mãn thiên thị nhãn — Chúng Thần tụ tiêu
Khung thương tùng tổ — Càn khôn tái tạo
Nhĩ yếu tha yếu — Khả bi khả tiếu
Pháp Chủ chính khung — Hà vật khả đào

2003 niên 6 nguyệt 19 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Hãy Nhìn Cho Kỹ

Thế gian tuy rằng nhỏ, [nhưng] [đối] chiếu với hết cả đại khung
Khắp trời đều là mắt, chư Thần đều tụ [ánh mắt nhìn] vào tiêu điểm [nơi này]
Không gian bao la được tổ hợp lại, càn khôn vũ trụ được tái tạo
Kẻ đòi cái này người đòi cái kia, thật đáng thương mà cũng thật đáng cười
Bậc Pháp Chủ đang chính lại đại khung, không vật gì có thể chạy trốn khỏi

Ngày 19 tháng Sáu năm 2003

Tạm dịch:

Khán Hảo

Thế gian tuy nhỏ — Đại khung chiếu hết
Khắp trời là mắt — Chúng Thần tụ đây
Trời xanh trùng tổ — Càn khôn tái tạo
Kẻ hỏi người đòi — Đáng thương đáng cười
Pháp Chủ chính khung — Vật gì thoát khỏi

Ngày 19 tháng Sáu năm 2003

57. Đọc Học Viên Văn Chương

讀學員文章

利筆著華章
詞勁句蘊強
科學滿身洞
惡黨衣扒光

二零零三年七月二十二日

Đọc Học Viên Văn Chương

Lợi bút trước hoa chương
Từ kính cú uẩn cường
Khoa học mãn thân động
Ác đảng y bái quang

2003 niên 7 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đọc Bài Viết Của Học Viên

Ngọn bút sắc bén viết nên những bài văn chương hoa lệ
Từ ngữ có sức và câu chứa đựng ý hùng mạnh
Khoa học đầy rẫy sơ hở thiếu sót
Ác đảng đã bị lột sạch hết quần áo

Ngày 22 tháng Bảy năm 2003

Tạm dịch:

Đọc Bài Viết Học Viên

Bút bén viết văn hay
Từ cứng câu hùng mạnh
Khoa học đầy thiếu sót
Ác đảng lột xiêm y

Ngày 22 tháng Bảy năm 2003

Ghi chú: Những bài văn của học viên đã dẫn chứng sơ hở thiếu sót của khoa học thực chứng và lột trần những lời nói dối cũng như những hành vi tà ác của ác đảng.

58. Loạn Thế (Tống từ)

亂世宋詞

中原上下五千年
朝朝代代換新顏
末世天無道
行惡又行妖
豺狼世上走
亂黨妖領頭
不是惡不報
洪勢就來到

二零零三年八月一日

Loạn Thế (Tống từ)

Trung Nguyên thượng hạ ngũ thiên niên
Triều triều đại đại hoán tân nhan
Mạt thế thiên vô Đạo
Hành ác hựu hành yêu
Sài lang thế thượng tẩu
Loạn đảng yêu lĩnh đầu
Bất thị ác bất báo
Hồng thế tựu lai đáo

2003 niên 8 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Thế Gian Hỗn Loạn (thơ từ thời nhà Tống)

Trung Nguyên đã trải qua khoảng năm nghìn năm
Triều đại nối tiếp nhau với bộ mặt được đổi mới
Thời kỳ mạt thế trời vô Đạo
Làm việc ác lại làm cả việc yêu quái
Chó sói đi lại trên thế gian
Loạn đảng là do yêu quái dẫn đầu
Không phải là làm việc ác không bị báo ứng đâu
Mà là thế to lớn hùng mạnh [của Chính Pháp] sắp đến đây rồi

Ngày 1 tháng Tám năm 2003

Tạm dịch:

Loạn Thế (Tống từ)

Trung Nguyên trên dưới năm nghìn năm
Mỗi triều đều đổi khuôn mặt mới
Mạt thế trời vô Đạo
Làm ác lại làm yêu
Sói hoành hành mặt đất
Loạn đảng yêu dẫn đầu
Không phải ác không báo
Hồng thế sắp đến rồi

Ngày 1 tháng Tám năm 2003

59. Chính Pháp Khán

正法看宋詞

漢室天下韓信打
大唐太宗朝疆大
岳飛六郎保中原
為了啥
眾生來此要得法

二零零三年八月十五日

Chính Pháp Khán (Tống từ)

Hán thất thiên hạ Hàn Tín đả
Đại Đường Thái Tôn triều cương đại
Nhạc Phi Lục Lang bảo Trung Nguyên
Vi liễu xá
Chúng sinh lai thử yếu đắc Pháp

2003 niên 8 nguyệt 15 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Nhìn Từ Chính Pháp (thơ từ thời nhà Tống)

Thiên hạ của nhà Hán là do Hàn Tín đánh [giành được]
Đại Đường của Hoàng đế Thái Tông biên cương rộng lớn
Nhạc Phi, Lục Lang bảo vệ Trung Nguyên
Là vì điều gì?
Chúng sinh đến đây cần đắc Pháp

Ngày 15 tháng Tám năm 2003

Tạm dịch:

Nhìn Từ Chính Pháp (Tống từ)

Thiên hạ nhà Hán Hàn Tín đánh
Đại Đường Thái Tông biên cương rộng
Nhạc Phi Lục Lang giữ Trung Nguyên
Vì cái gì?
Chúng sinh đến đây để đắc Pháp

Ngày 15 tháng Tám năm 2003

Ghi chú: Dương Lục Lang còn gọi là Dương Diên Chiêu, là một trong Dương gia tướng thời kỳ Bắc Tống.

60. Chinh

征

馳騁萬里破妖陣
斬盡黑手除惡神
管你大霧狂風舞
一路山雨洗征塵

二零零三年九月二日

Chinh

Trì sính vạn lý phá yêu trận
Trảm tận hắc thủ trừ ác thần
Quản nhĩ đại vụ cuồng phong vũ
Nhất lộ sơn vũ tẩy chinh trần

2003 niên 9 nguyệt 2 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chinh Phạt

Cưỡi ngựa vun vút vạn dặm phá trận thế yêu ma
Chém hết tay sai hắc ám và trừ thần ác
Mặc kệ ngươi những sương mù dày đặc và gió dữ dội
Mưa núi dọc đường tẩy sạch bụi trần viễn chinh

Ngày 2 tháng Chín năm 2003

Tạm dịch:

Chinh

Vun vút vạn dặm phá yêu trận
Chém sạch hắc thủ trừ ác thần
Ngại chi sương mù và gió dữ
Mưa núi dọc đường tẩy bụi trần

Ngày 2 tháng Chín năm 2003

61. Lý Trí Tỉnh Giác

理智醒覺

少息自省添正念
明析不足再精進

二零零三年九月四日

Lý Trí Tỉnh Giác

Thiểu tức tự tỉnh thiêm chính niệm
Minh tích bất túc tái tinh tấn

2003 niên 9 nguyệt 4 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Lý Trí Tỉnh Giác

Nghỉ ngơi một hồi tự xét mình sẽ thêm chính niệm
Phân tích rõ rệt những thiếu sót rồi tinh tấn lên

Ngày 4 tháng Chín năm 2003

Tạm dịch:

Lý Trí Tỉnh Giác

Tự kiểm một hồi thêm chính niệm
Phân tích thiếu sót rồi tinh tấn

Ngày 4 tháng Chín năm 2003

62. Kim Cương Chí

金剛志

秋高氣漸清　靄靄陰霾過
時日掐指算　大穹去無多
迷眾各逞亂　巨危不知迫
力挽崩裂前　怎容爛鬼禍
志念超金剛　洪微是我做

二零零三年九月四日

Kim Cương Chí

Thu cao khí tiệm thanh – Ái ái âm mại quá
Thời nhật kháp chỉ toán – Đại khung khứ vô đa
Mê chúng các sính loạn – Cự nguy bất tri bách
Lực vãn băng liệt tiền – Chẩm dung lạn quỷ họa
Chí niệm siêu kim cương – Hồng vi thị ngã tố

2003 niên 9 nguyệt 4 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Ý Chí Kim Cương

Bầu trời mùa Thu cao vợi không khí dần dần trong – Đám sương mù âm ám đã qua đi rồi
Bấm ngón tay tính ngày tháng – Đại khung đi rồi không còn bao nhiêu
Chúng sinh bị mê lần lượt gây loạn – Nguy hiểm to lớn gần đến mà không hay biết
Gắng sức cứu vãn trước tan vỡ sụp đổ – Lẽ nào dung thứ lạn quỷ gây họa
Ý chí một niệm ấy hơn cả kim cương – Vũ trụ từ lớn đến nhỏ là tôi làm ra

Ngày 4 tháng Chín năm 2003

Tạm dịch:

Kim Cương Chí

Thu cao trời dần trong – Sương âm đã đi qua
Bấm tay tính ngày tháng – Đại khung chẳng còn bao
Chúng sinh mê gây loạn – Sắp nguy nào hay biết
Gắng cứu trước sụp đổ – Sao cho phép quỷ họa
Chí niệm hơn kim cương – Lớn nhỏ tôi làm ra

Ngày 4 tháng Chín năm 2003

63. Pháp Chính Nhất Thiết

法正一切

衝出三界外
空無顯大宇
法正乾坤久
預歇惡又起
四大已風化
舊法在解體
天體無限大
寰體又洪極
大穹已去遠
主位更絢麗
天性豪氣洪
消磨也不去
意如金剛志
一統大法理

二零零三年九月二十日

Pháp Chính Nhất Thiết

Xung xuất tam giới ngoại
Không vô hiển đại vũ
Pháp chính càn khôn cửu
Dự hiết ác hựu khởi
Tứ đại dĩ phong hoá
Cựu Pháp tại giải thể
Thiên thể vô hạn đại
Hoàn thể hựu hồng cực
Đại khung dĩ khứ viễn
Chủ vị cánh huyến lệ
Thiên tính hào khí hồng
Tiêu ma dã bất khứ
Ý như kim cang chí
Nhất thống Đại Pháp lý

2003 niên 9 nguyệt 20 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Pháp Chính Hết Thảy

Xông vượt ra ngoài tam giới
Từ không có gì hiện ra vũ trụ bao la
Pháp đã chính vũ trụ sẽ được trường cửu
Chuẩn bị nghỉ ngơi thì cái ác lại khơi dậy
Tứ đại đã tàn lụi theo gió
Pháp cũ đang trong giải thể
Thiên thể to lớn vô hạn
Hoàn vũ lại rộng lớn cùng cực
Khung trời vĩ đại đã đi xa
Vị trí của vị Chủ càng đẹp đẽ lộng lẫy
Khí phách trời sinh hào khí hào hùng
Thời gian cũng không làm tàn phai
Ý niệm như chí của kim cương
Thống nhất trong lý của Đại Pháp

Ngày 20 tháng Chín năm 2003

Tạm dịch:

Pháp Chính Tất Cả

Xông ra ngoài tam giới
Không vô hiện vũ trụ
Pháp chính trời đất tồn
Sắp nghỉ ác lại khơi
Tứ đại đã phong hóa
Pháp cũ đang giải thể
Thiên thể lớn vô cùng
Hoàn vũ lại cùng cực
Đại khung đã đi xa
Vị Chủ càng lộng lẫy
Khí phách trời sinh hồng
Không phai theo thời gian
Ý chí như kim cương
Thống nhất Đại Pháp lý

Ngày 20 tháng Chín năm 2003

64. Long Tuyền Tự

龍泉寺

壯麗古刹密林間
晨霧繚繚起湖面
樓台亭閣白雲下
唐風新寺有真仙

二零零三年九月三十日

Long Tuyền Tự

Tráng lệ cổ sát mật lâm gian
Thần vụ liễu liễu khởi hồ diện
Lâu đài đình các bạch vân hạ
Đường phong tân tự hữu chân Tiên

2003 niên 9 nguyệt 30 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Chùa Long Tuyền

Chùa cổ đẹp đẽ đồ sộ ở giữa khu rừng rậm rạp
Sáng sớm sương mù lượn lờ đã hiện trên mặt hồ
Lâu đài đình các lấp ló dưới đám mây trắng
Chùa mới phong cách đời nhà Đường có Thần Tiên thật

Ngày 30 tháng Chín năm 2003

Tạm dịch:

Chùa Long Tuyền

Chùa cổ tráng lệ giữa rừng rậm
Sương mù ban mai lượn mặt hồ
Lâu đài đình các dưới mây trắng
Chùa mới đời Đường có chân Tiên

Ngày 30 tháng Chín năm 2003

65. Đại Pháp Đồ (Tống từ)

大法徒宋詞

大法徒
蒙難在中原
天地無道爛鬼狂
正法洪勢在眼前
法正人世間
大法徒
重任擔在肩
救度眾生講真相
清除毒害法無邊
神路不算遠

二零零三年十月一日

Đại Pháp Đồ (Tống từ)

Đại Pháp đồ
Mông nạn tại Trung Nguyên
Thiên địa vô Đạo lạn quỷ cuồng
Chính Pháp hồng thế tại nhãn tiền
Pháp chính nhân thế gian

Đại Pháp đồ
Trọng nhiệm đảm tại kiên
Cứu độ chúng sinh giảng chân tướng
Thanh trừ độc hại Pháp vô biên
Thần lộ bất toán viễn

2003 niên 10 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đồ đệ Đại Pháp (thơ từ thời nhà Tống)

Đồ đệ Đại Pháp
Gặp nạn tại Trung Nguyên
Trời đất không còn Đạo và ma quỷ thối nát điên cuồng
Thế lớn của Chính Pháp đang ở ngay trước mắt
Pháp sẽ chính lại thế gian của con người

Đồ đệ Đại Pháp
Trách nhiệm nặng nề (quan trọng) gánh trên vai
Nói rõ chân tướng cứu độ chúng sinh
Pháp lực vô hạn thanh trừ những độc hại
Con đường Thần tính ra là không còn xa nữa

Ngày 1 tháng Mười năm 2003

Tạm dịch:

Đại Pháp Đồ (Tống từ)

Đại Pháp đồ
Gặp nạn tại Trung Nguyên
Trời đất vô Đạo lạn quỷ cuồng
Chính Pháp hồng thế ngay nhãn tiền
Pháp chính nhân thế gian

Đại Pháp đồ
Trách nhiệm gánh trên vai
Cứu độ chúng sinh giảng chân tướng
Pháp lực vô biên trừ độc hại
Đường Thần không còn xa

Ngày 1 tháng Mười năm 2003

66. Pháp Luân Thường Chuyển

法輪常轉

大法圓容乾坤正
法王慈悲造大宮

二零零三年十月三日

Pháp Luân Thường Chuyển

Đại Pháp viên dung càn khôn chính
Pháp Vương từ bi tạo đại khung

2003 niên 10 nguyệt 3 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Pháp Luân Xoay Mãi

Đại Pháp viên dung vũ trụ được quy chính
Pháp Vương từ bi tạo dựng khung trời to lớn

Ngày 3 tháng Mười năm 2003

Tạm dịch:

Pháp Luân Thường Chuyển

Đại Pháp viên dung càn khôn chính
Pháp Vương từ bi tạo khung trời

Ngày 3 tháng Mười năm 2003

67. Hồng Thệ Đại Nguyện

洪誓大願

歷盡滄桑洪願了
歲月蹉跎一念中

二零零三年十月七日

Hồng Thệ Đại Nguyện

Lịch tận thương tang hồng nguyện liễu
Tuế nguyệt sa đà nhất niệm trung

2003 niên 10 nguyệt 7 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Thệ Ước To Lớn Nguyện Vọng Vĩ Đại

Nếm trải hết những thăng trầm, nguyện vọng to lớn đã đạt thành
Ngày tháng đã trôi đi ở trong một niệm ấy

Ngày 7 tháng Mười năm 2003

Tạm dịch:

Hồng Thệ Đại Nguyện

Trải hết thương tang hồng nguyện đạt
Ngày tháng trôi qua trong một niệm

Ngày 7 tháng Mười năm 2003

Ghi chú: Hồng nguyện: nguyện vọng to lớn. Tác giả tên là Hồng Chí, do vậy ở đây có thể hiểu hồng nguyện là nguyện vọng của tác giả. Thương tang: bãi biển, nương dâu; tức là những thăng trầm thay đổi, tựa như nơi đó trước là bãi biển (thương) mà nay là nương dâu (tang) vậy.

68. Cứu Đại Khung

救大穹

古今不曾有
將來天地久
看恆古大穹蒼
誰還敢再下走

二零零三年十月十二日

Cứu Đại Khung

Cổ kim bất tằng hữu
Tương lai thiên địa cửu
Khán hằng cổ đại khung thương
Thùy hài cảm tái hạ tẩu

2003 niên 10 nguyệt 12 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Cứu Vớt Bầu Trời Bao La

Từ xưa đến nay chưa từng có
Sau này trời đất sẽ được trường cửu
Nhìn gầm trời xanh thương cổ đại ấy
Có ai còn dám đi xuống nữa

Ngày 12 tháng Mười năm 2003

Tạm dịch:

Cứu Đại Khung

Xưa nay chưa từng có
Tương lai trời đất tồn
Nhìn xem gầm trời thượng cổ
Còn ai lại dám đi xuống

Ngày 12 tháng Mười năm 2003

69. Kiếp Số (Nguyên khúc)

劫數元曲

中原大地
五千文明
風浪不止
西來幽靈
害眾生
破古風
人快醒
神州大法開行

二零零三年十一月十一日

Kiếp Số (Nguyên khúc)

Trung Nguyên đại địa
Ngũ thiên văn minh
Phong lãng bất chỉ
Tây lai u linh
Hại chúng sinh
Phá cổ phong
Nhân khoái tỉnh
Thần Châu Đại Pháp khai truyền

2003 niên 11 nguyệt 11 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Kiếp Số (thơ khúc thời nhà Nguyên)

Miền đất Trung Nguyên rộng lớn
Với năm nghìn năm văn minh
Sóng gió chưa bao giờ ngừng
Tà linh đến từ phương Tây
Hãm hại con người thế gian
Phá hoại truyền thống cổ xưa
Người đời mau mau tỉnh táo
Thần Châu đã bắt đầu truyền Đại Pháp

Ngày 11 tháng Mười Một năm 2003

Tạm dịch:

Kiếp Số (Nguyên khúc)

Trung Nguyên mênh mông
Văn minh năm nghìn
Sóng gió liên miên
Tà linh từ Tây
Hại chúng sinh
Phá cổ phong
Người mau tỉnh
Thần Châu Đại Pháp khai truyền

Ngày 11 tháng Mười Một năm 2003

Ghi chú: Thần Châu: người Trung Quốc xưa gọi Trung Quốc là "Thần Châu", tức miền đất của Thần.

70. Nguy

危

世風日下眾助流
爛鬼帶頭人跟走
我為世人愁
人不為己憂
二零零三年十一月二十
日

Nguy

Thế phong nhật hạ chúng trợ lưu
Lạn quỷ đới đầu nhân cân tẩu
Ngã vi thế nhân sầu
Nhân bất vị kỷ ưu

2003 niên 11 nguyệt 20 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Nguy Hiểm

Thói đời trượt dốc từng ngày, mọi người đều hùa theo dòng
Quỷ hư nát dẫn đầu, người đời theo sau
Ta vì người mà lo sầu
Mà người chẳng lo cho bản thân mình

Ngày 20 tháng Mười Một năm 2003

Tạm dịch:

Nguy

Thói đời sa sút mọi người hùa
Lạn quỷ dẫn đầu người theo sau
Ta lo cho người đời
Mà người chẳng tự lo

Ngày 20 tháng Mười Một năm 2003

Ghi chú: Thế phong nhật hạ: Thói đời xuống dốc, đạo đức thế gian trượt xuống hàng ngày.

71. Liên (Nguyên Khúc)

蓮元曲

萬朵淨蓮我栽
嚴寒傲雪齊開
天晴滿園春來
仙枝百態
香風沁飄天外

二零零三年十二月一日

Liên (Nguyên khúc)

Vạn đoá tịnh liên ngã tài
Nghiêm hàn ngạo tuyết tề khai
Thiên tình mãn viên Xuân lai
Tiên chi bách thái
Hương phong thấm phiêu thiên ngoại

2003 niên 12 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Hoa Sen (thơ khúc thời nhà Nguyên)

Ta trồng vạn đóa hoa sen thanh tịnh
Nhất loạt nở rộ bất chấp giá lạnh và tuyết
Trời trong và mùa Xuân đến lấp đầy khu vườn
Cành tiên có trăm hình dáng
Hương thơm thấm trong gió bay khắp trời xanh

Ngày 1 tháng Chạp năm 2003

Tạm dịch:

Sen (Nguyên khúc)

Ta trồng vạn đóa hoa sen
Đua nhau nở giữa tuyết hàn
Trời trong Xuân đến khắp vườn
Cành tiên trăm dáng
Hương thấm gió bay quá trời

Ngày 1 tháng Chạp năm 2003

72. Đoạn (Nguyên khúc)

斷元曲

修不難
心難去
幾多執著何時斷
都知苦海總無岸
意不堅
關似山
咋出凡

二零零四年一月一日

Đoạn (Nguyên khúc)

Tu bất nan
Tâm nan khứ
Kỷ đa chấp trước hà thời đoạn
Đô tri khổ hải tổng vô ngạn
Ý bất kiên
Quan tự sơn
Trách xuất phàm

2004 niên 1 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đoạn Dứt (thơ khúc thời nhà Nguyên)

Tu không hề khó
Tâm khó bỏ đi
Bao nhiêu chấp trước đến thời nào mới dứt
Đều biết bể khổ mãi không có bờ bến
Ý chí không kiên định
Thử thách lại như núi
Làm sao ra khỏi thế giới phàm tục

Ngày 1 tháng Giêng năm 2004

Tạm dịch:

Đoạn (Nguyên khúc)

Tu không khó
Tâm khó bỏ
Bao nhiêu chấp trước thời nào đoạn
Đều biết bể khổ không có bờ
Ý không kiên
Quan như núi
Sao xuất phàm

Ngày 1 tháng Giêng năm 2004

73. Hương Liên

香蓮

淨蓮法中生
慈悲散香風
世上洒甘露
蓮開滿天庭

二零零四年元旦

Hương Liên

Tịnh liên Pháp trung sinh
Từ bi tán hương phong
Thế thượng sái cam lộ
Liên khai mãn thiên đình

2004 niên Nguyên đán

Tạm diễn nghĩa:

Hoa Sen Thơm

Hoa sen tinh khiết sinh ra từ trong Pháp
Từ bi theo gió mà tỏa ra mùi thơm
Vẩy sương ngọt [cam lộ] trên cõi đời
Hoa sen nở khắp sân đình trên trời

Mùng một Tết năm 2004

Tạm dịch:

Sen Thơm

Hoa sen sinh trong Pháp
Từ bi tỏa hương thơm
Vẩy cam lộ trên đời
Sen nở khắp sân trời

Mùng một Tết năm 2004

74. Pháp chính nhân gian thời

法正人間時

爛鬼已滅絶
黑手化膿血
世人幹的事
必遭瘟疫虐

二零零四年一月一日

Pháp Chính Nhân Gian Thời

Lạn quỷ dĩ diệt tuyệt
Hắc thủ hóa nùng huyết
Thế nhân cán đích sự
Tất tao ác dịch ngược

2004 niên 1 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Khi Pháp Chính Nhân Gian

Quỷ hư nát đã bị diệt sạch hết
Tay sai đen tối đã hóa thành máu mủ
Những việc [xấu] người đời đã làm
Tất nhiên phải bị dịch bệnh quái ác hành hạ

Ngày 1 tháng Giêng năm 2004

Tạm dịch:

Khi Pháp Chính Nhân Gian

Lạn quỷ đã diệt sạch
Hắc thủ hóa máu mủ
Việc ác người đời làm
Phải bị dịch hành hạ

Ngày 1 tháng Giêng năm 2004

75. Xuẩn (Nguyên khúc)

蠢元曲

狂狂狂
跳上樑
烏鴉遮太陽
蠢惡謊
大曝光
忌火攻心現原象
蟾蜍躥下油湯

二零零四年一月八日

Xuẩn (Nguyên khúc)

Cuồng cuồng cuồng
Khiêu thượng lương
Ô nha già thái dương
Xuẩn ác hoang
Đại bộc quang
Kỵ hỏa công tâm hiện nguyên tượng
Thiềm thừ thoan hạ du thang

2004 niên 1 nguyệt 8 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Ngu Xuẩn (thơ khúc thời nhà Nguyên)

Cuồng cuồng cuồng
Nhảy lên xà nhà
Con quạ đen che khuất mặt trời
Lời nói dối ngu xuẩn độc ác
Đã phơi bày ra hết ánh sáng
Lửa đố kỵ đánh vào tim nó mà hiện nguyên hình
Con cóc nhảy vọt xuống dầu sôi

Ngày 8 tháng Giêng năm 2004

Tạm dịch:

Xuẩn (Nguyên khúc)

Cuồng cuồng cuồng
Nhảy lên xà
Quạ đen che mặt trời
Dối xuẩn ác
Phơi ra sáng
Lửa tâm đố kỵ hiện nguyên hình
Con cóc nhảy xuống dầu sôi

Ngày 8 tháng Giêng năm 2004

76. Biệt ai

别哀

身卧牢籠别傷哀
正念正行有法在
靜思幾多執著事
了卻人心惡自敗

二零零四年一月十三日

Biệt Ai

Thân ngọa lao lung biệt thương ai
Chính niệm chính hành hữu Pháp tại
Tĩnh tư kỷ đa chấp trước sự
Liễu khước nhân tâm ác tự bại

2004 niên 1 nguyệt 13 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đừng Đau Buồn

Thân người nằm trong tù ngục đừng có đau buồn
Niệm chân chính hành sự chân chính có Pháp tại đây
Tĩnh lặng suy nghĩ xem bản thân có bao nhiêu chấp trước
Dứt đi được tâm người thường thì tà ác sẽ tự thất bại

Ngày 13 tháng Giêng năm 2004

Tạm dịch:

Đừng Buồn

Thân trong ngục tù đừng đau buồn
Chính niệm chính hành Pháp ở đây
Tĩnh tâm suy nghĩ bao chấp trước
Dứt được nhân tâm ác tự bại

Ngày 13 tháng Giêng năm 2004

77. Yêu Cổ Đội (Nguyên khúc)

腰鼓隊元曲

腰鼓陣
法中神
法鼓聲聲都是真善忍
三界除惡救世人
雄姿正念震天門
爛鬼哪遁

二零零四年一月二十二日

Yêu Cổ Đội (Nguyên khúc)

Yêu cổ trận
Pháp trung Thần
Pháp cổ thanh thanh đô thị Chân Thiện Nhẫn
Tam giới trừ ác cứu thế nhân
Hùng tư chính niệm chấn thiên môn
Lạn quỷ ná độn

2004 niên 1 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Đội Trống Lưng (thơ khúc thời nhà Nguyên)

Hàng trận trống lưng
Các vị Thần trong Pháp
Mỗi tiếng trống Pháp đều là Chân Thiện Nhẫn
Diệt trừ tà ác cứu người đời nơi tam giới
Tư thế hùng mạnh với chính niệm chấn động cổng trời
Quỷ hư nát lẩn trốn đâu được nữa

Ngày 22 tháng Giêng năm 2004

Tạm dịch:

Đội Trống Lưng (Nguyên khúc)

Trận trống lưng
Thần trong Pháp
Mỗi tiếng trống Pháp đều là Chân Thiện Nhẫn
Nơi tam giới trừ ác cứu người
Thế mạnh chính niệm chấn cổng trời
Lạn quỷ chạy đâu

Ngày 22 tháng Giêng năm 2004

78. Nan

難

千辛萬苦十五秋
誰知正法苦與愁
只為眾生能得救
不出洪微不罷休

二零零四年一月二十二日

Nan

Thiên tân vạn khổ thập ngũ Thu
Thùy tri Chính Pháp khổ dữ sầu
Chỉ vi chúng sinh năng đắc cứu
Bất xuất hồng vi bất bãi hưu

2004 niên 1 nguyệt 22 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Khó Khăn, Gian Nan

Nghìn vạn cay đắng gian khổ đã qua mười lăm mùa Thu
Ai mà hiểu được gian khổ và ưu sầu trong Chính Pháp
Chỉ để chúng sinh có thể được cứu
Sẽ không ngừng nghỉ cho tới khi vượt khỏi hồng quan vi quan

Ngày 22 tháng Giêng năm 2004

Tạm dịch:

Nan

Nghìn cay vạn khổ mười lăm Thu
Ai biết Chính Pháp khổ lẫn sầu
Chỉ để chúng sinh được đắc cứu
Chưa vượt hồng vi quyết không ngơi

Ngày 22 tháng Giêng năm 2004

79. Sư Đồ Ân

師徒恩

狂題四年颱　穩舵航不迷
法徒經魔難　重壓志不移
師徒不講情　佛恩化天地
弟子正念足　師有回天力

二零零四年二月一日

Sư Đồ Ân

Cuồng ác tứ niên bão
Ổn đà hàng bất mê
Pháp đồ kinh ma nạn
Trọng áp chí bất di
Sư đồ bất giảng tình
Phật ân hóa thiên địa
Đệ tử chính niệm túc
Sư hữu hồi thiên lực

2004 niên 2 nguyệt 1 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Ơn Thầy Trò

Tà ác điên cuồng như bốn năm gió bão
Nắm vững bánh lái dẫn thuyền đi không lạc hướng
Đồ đệ Đại Pháp trải qua ma nạn
Dưới áp lực [bức hại] nặng nề mà ý chí vẫn không lay chuyển
Giữa Sư phụ và đệ tử không giảng tình [nghĩa]
[Mà là] ơn của Phật biến hóa cả trời đất
Đệ tử chính niệm mà đầy đủ
Thì Sư phụ sẽ đủ sức đưa trở về trời

Ngày 1 tháng Hai năm 2004

Tạm dịch:

Sư Đồ Ân

Bão cuồng ác bốn năm
Vững lái chẳng mê đường
Pháp đồ gặp ma nạn
Áp lực chí chẳng sờn
Thầy trò đâu giảng tình
Phật ân hóa trời đất
Đệ tử chính niệm đủ
Thầy có lực hồi thiên

Ngày 1 tháng Hai năm 2004

Ghi chú: hồi thiên lực: lực xoay chuyển trời đất, thay đổi hình thế; hai câu cuối có thể hiểu là Đệ tử mà chính niệm đầy đủ thì Sư phụ có thể hoá giải tất cả.

80. Thần Tỉnh

神醒

眾生快快醒
中原設陷阱
都是為法來
何故理不清

二零零四年二月十七日

Thần Tỉnh

Chúng sinh khoái khoái tỉnh
Trung Nguyên thiết hãm tịnh
Đô thị vi Pháp lai
Hà cố lý bất thanh

2004 niên 2 nguyệt 17 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Thần Thức Tỉnh

Chúng sinh hãy mau mau thức tỉnh
Ở Trung Nguyên cạm bẫy đã được đặt rồi
Đã đều là vì Pháp mà đến
Lẽ gì mà không hiểu ra cái Lý ấy

Ngày 17 tháng Hai năm 2004

Tạm dịch:

Thần Tỉnh

Chúng sinh mau mau tỉnh
Trung Nguyên bẫy đã đặt
Đều vì Pháp mà đến
Cớ gì lý chẳng thanh

Ngày 17 tháng Hai năm 2004

81. Thiên Môn Dĩ Khai

天門已開

佛恩浩蕩度眾生
再造乾坤大法來
洪願宮體天地固
正微正洪正三才
世人能醒正念出
萬古天門從此開

二零零四年二月二十八日

Thiên Môn Dĩ Khai

Phật ân hạo đãng độ chúng sinh
Tái tạo càn khôn Đại Pháp lai
Hồng nguyện khung thể thiên địa cố
Chính vi chính hồng chính tam tài
Thế nhân năng tỉnh chính niệm xuất
Vạn cổ thiên môn tòng thử khai

2004 niên 2 nguyệt 28 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Cổng Trời Đã Khai Mở

Ơn của Phật bát ngát bao la cứu độ chúng sinh
Đại Pháp đến tái tạo lại càn khôn vũ trụ
Nguyện vọng to lớn là định lại khung thể và trời đất
Chính lại vi quan, chính lại hồng quan, và chính lại tam tài
Người đời có thể tỉnh ngộ chính niệm sinh ra
Cổng trời từ vạn cổ bắt đầu khai mở từ nay

Ngày 28 tháng Hai năm 2004

Tạm dịch:

Cổng Trời Đã Mở

Ơn Phật bao la độ chúng sinh
Tái tạo vũ trụ Đại Pháp đến
Hồng nguyện trời đất được cố định
Chính vi chính hồng chính tam tài
Người đời thức tỉnh xuất chính niệm
Cổng trời vạn cổ mở từ nay

Ngày 28 tháng Hai năm 2004

Ghi chú:

1. Hồng nguyện: nguyện vọng to lớn. Nhưng tác giả tên Hồng Chí, do vậy ở đây còn có nghĩa là nguyện vọng của tác giả.
2. Tam tài: thiên (trời), địa (đất), nhân (người).

82. Phạ Xá

怕啥

你有怕　它就抓
念一正　惡就垮
修煉人　裝著法
發正念　爛鬼炸
神在世　證實法

二零零四年二月二十九日

Phạ Xá

Nhĩ hữu phạ — Tha tựu trảo
Niệm nhất chính — Ác tựu khoa
Tu luyện nhân — Trang trước Pháp
Phát chính niệm — Lạn quỷ tạc
Thần tại thế — Chứng thực Pháp

2004 niên 2 nguyệt 29 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Sợ Chi

Các vị mà sợ, nó sẽ bắt bớ
Niệm hễ chính, tà ác sẽ sụp
Người tu luyện, chứa đựng Pháp
Phát chính niệm, lạn quỷ nổ tung
Thần tại thế gian, chứng thực Pháp

Ngày 29 tháng Hai năm 2004

Tạm dịch:

Sợ Chi

Chư vị sợ — Nó sẽ bắt
Niệm được chính — Ác sẽ gục
Người tu luyện — Chứa đựng Pháp
Phát chính niệm — Lạn quỷ nổ
Thần tại thế — Chứng thực Pháp

Ngày 29 tháng Hai năm 2004

83. Chuyển Luân

轉輪

百年紅朝一路殺
乾坤倒運戲中華
看明此時紅花盛
可曉它日開蓮花

二零零四年三月五日

Chuyển Luân

Bách niên hồng triều nhất lộ sát
Càn khôn đảo vận hí Trung Hoa
Khán minh thử thời hồng hoa thịnh
Khả hiểu tha nhật khai liên hoa

2004 niên 3 nguyệt 5 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Xoay Chuyển Pháp Luân

Trăm năm triều đại đỏ chỉ một đường giết chóc
Càn khôn vận đảo lộn đùa giỡn Trung Hoa
Nhìn rõ ràng lúc này hoa đỏ đang thịnh vượng
Có biết chăng ngày kia sẽ khai nở hoa sen

Ngày 5 tháng Ba năm 2004

Tạm dịch:

Chuyển Luân

Hồng triều trăm năm toàn giết chóc
Vận trời đảo lộn giỡn Trung Hoa
Chỉ thấy hoa đỏ nay hưng thịnh
Nào biết ngày sau nở hoa sen

Ngày 5 tháng Ba năm 2004

84. Hồng Kiếp

洪劫

法正洪宮除舊塵
天地茫茫處處春
悠悠萬古洪勢過
再看新宇佛道神

二零零四年三月八日

Hồng Kiếp

Pháp chính hồng khung trừ cựu trần
Thiên địa mang mang xứ xứ Xuân
Du du vạn cổ hồng thế quá
Tái khán tân vũ Phật Đạo Thần

2004 niên 3 nguyệt 8 nhật

Tạm diễn nghĩa:

Kiếp Nạn To Lớn

Pháp cải chính khung trời to lớn, tiêu trừ bụi bặm cũ
Trời đất mênh mông khắp nơi đều là Xuân
Khi thế lực to lớn từ vạn cổ xa xưa qua đi
Lại nhìn thấy Phật Đạo Thần ở vũ trụ mới

Ngày 8 tháng Ba năm 2004

Tạm dịch:

Hồng Kiếp

Pháp chính hồng khung tiêu bụi cũ
Trời đất mênh mông khắp chốn Xuân
Xa xưa vạn cổ hồng thế quá
Lại thấy tân vũ Phật Đạo Thần

Ngày 8 tháng Ba năm 2004